

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
(6 tháng đầu năm 2025)**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tên công ty: Công ty cổ phần SJ Group (SJ GROUP).
- Địa chỉ trụ sở chính: Ô đất TT2, Khu đô thị mới Nam An Khánh, xã An Khánh, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024.37684504/7684505/7684506
- Email: info@sjgroups.vn
- Vốn Điều lệ: 1.148.555.400.000 đồng (Một nghìn một trăm bốn mươi tám tỷ, năm trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng).
- Mã chứng khoán: SJS
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện theo quy định 06 tháng đầu năm 2025, Công ty cổ phần SJ Group (SJ GROUP) đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 vào ngày 28/3/2025. Đại hội đã thông qua 02 Nghị quyết với các nội dung như sau:

Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025: thông qua các nội dung:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập;
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
- Kết quả SXKD năm 2024; Kế hoạch SXKD năm 2025;
- Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;
- Báo cáo quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát năm 2024 và Phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát năm 2025;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ2025: thông qua các nội dung:



- Phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2024.
- Phương án điều chỉnh, bổ sung phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (thay thế phương án phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-ĐHĐCĐ2025	28/3/2025	Phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2025
2	02/NQ-ĐHĐCĐ2025	28/3/2025	Phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2025

II. Hội đồng quản trị (HĐQT).

1. Thông tin về Thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu / không còn là Thành viên HĐQT/HĐQT độc lập		Ghi chú
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	(Ông) Bùi Quang Bách	Chủ tịch	16/3/2023		
2	(Ông) Trần Như Trung	Thành viên	28/3/2025		
3	(Bà) Đỗ Lê Minh	Thành viên HĐQT độc lập	28/3/2025		
4	(Ông) Phương Xuân Thụy	Thành viên HĐQT độc lập	16/3/2023		
5	(Ông) Nguyễn Việt Cường	Thành viên	28/3/2025		

2. Các cuộc họp HĐQT:

Trong 06 tháng đầu năm, ngoài phiên họp ĐHĐCĐ thường niên, Hội đồng quản trị tổ chức 13 phiên họp để giải quyết công việc, theo đó tỷ lệ tham dự của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	(Ông) Bùi Quang Bách	13/13	100%	
2	(Ông) Trần Như Trung	12/13	92%	Là TV HĐQT từ ngày 28/3/2025
3	(Bà) Đỗ Lê Minh	12/13	92%	Là TV HĐQT từ ngày 28/3/2025
4	(Ông) Phương Xuân Thụy	13/13	100%	
5	(Ông) Nguyễn Việt Cường	12/13	92%	Là TV HĐQT từ ngày 28/3/2025
6	(Ông) Đỗ Văn Bình	1/13	7,7%	Hết nhiệm kỳ

7	(Ông) Nguyễn Phú Cường	1/13	7,7%	Hết nhiệm kỳ
8	(Bà) Chu Thị Thu Hương	1/13	7,7%	Hết nhiệm kỳ

Ngoài các phiên họp của Hội đồng quản trị, để giải quyết các công việc cần có ý kiến của Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý điều hành, Hội đồng quản trị đã tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên bằng văn bản, các hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng quy định của luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn tổ chức các cuộc họp, hội ý để trao đổi và thống nhất chỉ đạo đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể:

- Chỉ đạo, giám sát việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
- Giám sát việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc triển khai Kế hoạch kinh doanh, tiến độ thực hiện đầu tư, hoàn thiện hạng mục đầu tư với từng dự án do Công ty làm chủ đầu tư; Giám sát việc triển khai kinh doanh sản phẩm hàng hóa của Công ty.
- Giám sát việc quản trị rủi ro liên quan hoạt động đầu tư, triển khai, phát triển dự án bất động sản, đảm bảo an toàn tài chính trong hoạt động của Công ty cũng như uy tín giữa Công ty với các nhà đầu tư, các định chế tài chính.
- Giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước, điều kiện môi trường làm việc, việc thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và các chế độ khác với người lao động.
- Thực hiện các giám sát khác theo quy định pháp luật.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị Ban Tổng giám đốc tập trung triển khai, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nhiệm vụ được giao đúng quy định.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

(Đến ngày lập Báo cáo - SJ GROUP chưa thành lập tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị).

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

(Phụ lục II. 1 - Bảng kê chi tiết Nghị quyết/Quyết định đính kèm).

III. Ban kiểm soát (BKS).

1. Thông tin về Thành viên Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	(Bà) Lê Thị Thùy	Trưởng BKS	16/6/2022	Th.S chuyên ngành Kế toán
2	(Bà) Trần Thị Thanh Huyền	TV BKS	16/6/2022	Th.S chuyên ngành Kế toán
3	(Bà) Nguyễn Thu Hiền	TV BKS	28/3/2025	Cử nhân kế toán

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham gia dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	(Bà) Lê Thị Thùy	2/2	100%		
2	(Bà) Trần Thị Thanh Huyền	2/2	100%		
3	(Bà) Nguyễn Thu Hiền	2/2	100%		
4	(Ông) Nguyễn Minh Thắng	0/2			Hết nhiệm kỳ

3. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:

Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và hoạt động SXKD của công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ công ty.

- Giám sát việc thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, điều hành của Tổng giám đốc, Báo cáo tình hình kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2024, Báo cáo kiểm toán và kế hoạch kiểm toán độc lập của đơn vị kiểm toán.
- Giám sát và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị thông báo, đồng thời kiến nghị với Hội đồng quản trị về tình hình thực hiện các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc huy động vốn, sử dụng vốn, cân đối vốn và quản lý dòng tiền; phân phối lợi nhuận.
- Giám sát tình hình tái cấu trúc của công ty.

Kết quả hoạt động giám sát và kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát gửi tới Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đều được xem xét, chỉ đạo các cá nhân, đơn vị liên quan nghiên cứu, thực hiện.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với Hội đồng quản trị về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát.
- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc luôn hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện chức năng của mình. Các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phản hồi đầy đủ, kịp thời.
- Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động SXKD.

5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát: (Không có)



IV. Ban điều hành.

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	(Ông) Trần Như Trung	10/7/1971	Th.S Khoa học Địa chính tin học	Bổ nhiệm ngày 13/10/2023
2	(Ông) Trần Oanh	03/7/1977	Th.S Kiến trúc	Bổ nhiệm ngày 09/01/2023
3	(Ông) Nguyễn Việt Cường	16/11/1977	Kỹ sư xây dựng Th.S Quản trị kinh doanh	Bổ nhiệm ngày 14/6/2024
4	(Ông) Nguyễn Trần Dũng	26/8/1971	Kỹ sư xây dựng	Bổ nhiệm ngày 16/11/2018
5	(Ông) Nguyễn Công Chính	12/6/1979	Kỹ sư xây dựng	Bổ nhiệm ngày 16/11/2018
6	(Ông) Nguyễn Hải Ninh	17/10/1973	Th.S Kế toán - Tài chính Cử nhân Kế toán-Tài chính Cử nhân Ngoại ngữ	Bổ nhiệm ngày 12/6/2023

V. Kế toán trưởng.

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm
(Ông) Trần Việt Dũng	20/10/1981	Th.S Quản trị kinh doanh; Cử nhân kinh tế	02/11/2012

VI. Đào tạo về quản trị công ty.

Tổ chức đào tạo chuyên sâu về quản trị công ty đối với các quản lý cấp trung; tổ chức đào tạo về phần mềm số hóa quản trị Công ty, đánh giá KPI.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính công ty.

- Danh sách về người có liên quan của công ty (*Phụ lục VII.1 đính kèm*).
- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (*Phụ lục VII.2 đính kèm*).
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan với người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát (*Phụ lục VII.3 đính kèm*).
- Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có phát sinh.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ:

- Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (*Phụ lục VIII.1 đính kèm*).
- Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty (*Phụ lục VIII.2 đính kèm*).

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS Cty;
- Ban TC-KT;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ^{W2}
CHỦ TỊCH


Bùi Quang Bách

Phụ lục II.1 - CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-CT-HĐQT	06/01/2025	Phương án kinh doanh 12 căn TT77 Khu nhà ở thấp tầng khu vực 2 - Giai đoạn II Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
2	02/NQ-CT-HĐQT	15/01/2025	Phê duyệt giá trị dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Hoàn thiện HTKT phần còn lại chưa thi công giai đoạn I tại khu vực nghĩa trang thôn Vân lũng - Dự án ĐTXD và kinh doanh HTKT đồng bộ KĐT Nam An Khánh	100%
3	03/NQ-CT-HĐQT	15/01/2025	Phê duyệt dự toán và chi phí và kế hoạch triển khai thực hiện hạ tầng kỹ thuật phân khu Vista Lago - Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
4	04/NQ-CT-HĐQT	22/01/2025	Điều chỉnh giá Lợi ích góp vốn tại Hợp đồng góp vốn hợp tác kinh doanh số 01/HĐGV-SJS-TX với SJ Tiến Xuân	100%
5	05/NQ-CT-HĐQT	22/01/2025	Phê duyệt dự toán điều chỉnh và kế hoạch tiếp tục thực hiện hạng mục: Cây xanh giao thông Giai đoạn I (phần khối lượng còn vướng mặt bằng), Dự án ĐTXD và kinh doanh HTKT đồng bộ Khu đô thị Nam An Khánh	100%
6	06/NQ-CT-HĐQT	22/01/2025	Phương án chi lương tháng 13 năm 2024	100%
7	07/QĐ-CT-HĐQT	22/01/2025	Phương án triển khai giải pháp số hóa vận hành SJ Digital Workspace	100%
8	08/NQ-CT-HĐQT	24/01/2025	Hỗ trợ kinh phí các ngành, đoàn thể tại địa phương phục vụ công tác tuyên truyền vận động GPMB dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh và Nam An Khánh mở rộng (Quý I năm 2025)	100%
9	09/NQ-CT-HĐQT	25/01/2025	Phương án Xử lý các mặt bằng thuê không tranh chấp đã hết hạn và trống tại tầng 1 các chung cư CT1 cao tầng, CT4, CT5 Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì	100%
10	10/NQ-CT-HĐQT	25/01/2025	Chấp thuận chủ trương và kế hoạch triển khai sự kiện Tầm nhìn Xanh 2025	100%
11	11/NQ-CT-HĐQT	10/02/2025	Thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025 và thời gian dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025	100%



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
12	12/NQ-CT-HĐQT	21/02/2025	Điều chỉnh nội dung, chi phí và kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng số 27-2023/HĐTV ngày 11/12/2023 với Công ty CP Kiến trúc HighEnd	100%
13	13/NQ-CT-HĐQT	21/02/2025	Phê duyệt chi phí và đơn vị thực hiện Thiết kế ý tưởng điều chỉnh kiến trúc mẫu nhà thấp tầng Giai đoạn I và Giai đoạn II khu Casa MiLa - Khu đô thị Nam An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	100%
14	14/NQ -CT-HĐQT	27/02/2025	Phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong	100%
15	15/NQ-CT-HĐQT	06/03/2025	Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	100%
16	01/QĐ-CT-HĐQT	06/03/2025	Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	100%
17	16/NQ-CT-HĐQT	06/03/2025	Bổ nhiệm cán Bộ	100%
18	02/QĐ-CT-HĐQT	06/03/2025	Bổ nhiệm cán Bộ	100%
19	17/NQ-CT-HĐQT	06/03/2025	Điều chỉnh nội dung, chi phí và kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng số 01-2024/HĐTV ngày 02/01/2024; hợp đồng số 27-2020/HĐTV ký ngày 06/11/2020 với Công ty cổ phần kiến trúc Phong cảnh Việt Nam (EDEN)	100%
20	18/NQ-CT-HĐQT	06/03/2025	Phê duyệt thời gian, địa điểm và tài liệu tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025 của Công ty SJ Group	100%
21	19/NQ-CT-HĐQT	17/03/2025	Phê duyệt chi phí và đơn vị thực hiện Thiết kế ý tưởng kiến trúc, Thiết kế bản vẽ thi công cải tạo, sửa chữa mặt đứng kiến trúc công trình và cải tạo chỉnh trang nội thất trung tâm VICC tại khu vực CT6 - Dự án KĐT Nam An Khánh	100%
22	20/NQ-CT-HĐQT	17/03/2025	Phương án cho thuê mặt bằng Kios 10A chung cư CT4 Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	100%
23	21/NQ-CT-HĐQT	25/03/2025	Phê duyệt chi phí và đơn vị thực hiện thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán hạ tầng kỹ thuật và cây xanh, cảnh quan các tuyến phụ cận khu nhà ở thấp tầng KV2 - GĐ2 (khu Casamila) và tuyến chính - Dự án KĐT Nam An Khánh	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
24	22/NQ-CT-HĐQT	25/03/2025	Phê duyệt dự toán chi phí và đơn vị thực hiện khắc phục các tổng tại lưới điện trước khi triển khai công tác bàn giao tài sản công trình điện, Dự án ĐTXD và kinh doanh HTKT đồng bộ KĐT Nam An Khánh	100%
25	23/NQ-CT-HĐQT	27/03/2025	Thông qua Báo cáo thường niên 2024	100%
26	01/NQ- ĐHĐCĐ2025	28/03/2025	Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, ngày 28 tháng 03 năm 2025	100%
27	02/NQ- ĐHĐCĐ2025	28/03/2025	Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, ngày 28 tháng 03 năm 2025	100%
28	01/NQ-CT-HĐQT	03/04/2025	Phiên họp đầu tiên nhiệm kỳ 2025 - 2030, ngày 03 tháng 4 năm 2025	100%
29	06/QĐ-CT-HĐQT	03/04/2025	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty	100%
30	25/NQ-CT-HĐQT	03/04/2025	Cho thôi giữ chức vụ Quyền Tổng Giám đốc, bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc, bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty, ngày 03 tháng 4 năm 2025	100%
31	07/QĐ-CT-HĐQT	03/04/2025	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%
32	08/QĐ-CT-HĐQT	03/04/2025	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty	100%
33	26/NQ-CT-HĐQT	09/04/2025	Phê duyệt phương án, dự toán chi phí, kế hoạch và đơn vị thực hiện hạng mục: Chinh trang mặt bằng, trồng cây xanh tuyến đường tạm A2 dọc kênh Đan Hoài - Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
34	27/NQ-CT-HĐQT	09/04/2025	Phê duyệt chi phí, đơn vị thực hiện công tác Thiết kế và Thi công hệ thống PCCC, công trình tạm Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
35	28/NQ-CT-HĐQT	11/04/2025	Chấp thuận đề xuất tên gọi mới và câu chuyện thương hiệu phân khu Casamila	100%
36	29/NQ-CT-HĐQT	16/04/2025	Hỗ trợ kinh phí cho địa phương phục vụ công tác tuyên truyền vận động GPMB dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh và Nam An Khánh mở rộng phía Nam (Khu B) năm 2025	100%
37	30/NQ-CT-HĐQT	17/04/2025	Chấm dứt hợp đồng số 27-2023/HĐTV và phê duyệt chi phí, đơn vị mới thực hiện Thiết kế ý tưởng kiến trúc; thiết kế bản vẽ thi công công trình tạm tại ô đất quy hoạch ký hiệu CCDV1 thuộc dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
38	31/NQ-CT-HĐQT	17/04/2025	Phê duyệt chương trình Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe năm 2025	100%
39	32/NQ-SJG-HĐQT	25/04/2025	Phê duyệt chi phí, đơn vị thực hiện công tác phá dỡ, gia cố kết cấu chịu lực Tòa B công trình tạm Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 - Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
40	33/NQ-SJG-HĐQT	25/04/2025	Phê duyệt dự toán chi phí và đơn vị thực hiện công việc: San gạt mặt bằng, cắt tỉa, chôn dựng cây xanh, vệ sinh sân vườn khu vực ô đất CT6, CT5, TT46, CX-TT95, Tuyến B11 thuộc Hạng mục cải tạo, chỉnh trang Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC), Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
41	34/NQ-SJG-HĐQT	07/05/2025	Phân luồng giao thông phục vụ thi công nút giao vành đai 3.5 với Đại lộ Thăng Long liên quan đến hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
42	35/NQ-SJG-HĐQT	10/05/2025	Chấp thuận tiếp tục triển khai các hạng mục Thi công lắp dựng lan can hồ lớn từ nút A đến nút B (Hợp đồng số 19-2023/HĐXD) và Thi công HTKT giai đoạn I phần còn lại (Hợp đồng số 12-2023/HĐXD)	100%
43	36/NQ-SJG-HĐQT	12/05/2025	Phê duyệt phương án bán cổ phiếu quỹ	100%
44	37/NQ-SJG-HĐQT	13/05/2025	Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, đoàn thể của huyện Hoài Đức và các thôn thuộc UBND xã An Khánh, An Thượng tổ chức đi thăm quan học tập mô hình phát triển kinh tế tại một số địa phương phục vụ công tác GPMB dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh và Nam An Khánh mở rộng năm 2025	100%
45	38/NQ-SJG-HĐQT	13/05/2025	Phê duyệt dự toán và đơn vị thực hiện thi công hạng mục Cải tạo, sửa chữa mặt đứng kiến trúc công trình, cải tạo chỉnh trang nội thất Tòa nhà B Công trình Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6-KĐT mới Nam An Khánh	100%
45	39/NQ-SJG-HĐQT	15/05/2025	Phê duyệt chi phí và đơn vị thực hiện gói thầu Thực hiện gói thầu Thiết kế BVTC và lập dự toán chi tiết hạng mục xây thô và hoàn thiện mặt ngoài, nhà cổng hàng rào 64 căn nhà ở thấp tầng (gồm 21 căn ô TT27, 27A và 43 căn ô TT2, TT83, TT25, TT30, TT31) Dự án Khu nhà ở thấp tầng Giai đoạn I - Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
46	40/NQ-SJG-HĐQT	15/05/2025	Phê duyệt chi phí và đơn vị thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh dự án khu nhà ở thấp tầng khu vực 2 - Giai đoạn II - Dự án khu đô thị mới Nam An Khánh	100%

W

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
47	41/NQ-SJG-HĐQT	16/05/2025	Phê duyệt phương án, dự toán chi phí và đơn vị thực hiện hạng mục: Tháo dỡ, di chuyển hàng rào tôn khu vực Vista Serena, lắp dựng hàng rào tôn, cổng quanh các ô đất TT2, TT83, TT25, TT26, TT31; Gia công, lắp dựng hàng rào che chắn nghĩa tra Yên Lũng Dự án KĐT mới Nam An Khánh	100%
48	42/NQ-SJG-HĐQT	19/05/2025	Phê duyệt phương án, dự toán chi phí và dự toán và đơn vị thực hiện công việc: Cung cấp, trồng, chăm sóc và duy trì cây xanh - văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC), Dự án KĐT mới Nam An Khánh	100%
49	43/NQ-SJG-HĐQT	22/05/2025	Chỉ định người đại diện pháp luật làm Người đại diện hợp pháp để đại diện và thay mặt Công ty thực hiện hợp pháp để đại diện và thay mặt Công ty thực hiện các quyền và Nghĩa vụ của Công ty với các Ngân hàng, Công ty chứng khoán	100%
51	44/NQ-SJG-HĐQT	27/05/2025	Phê duyệt chi phí bổ sung, phát sinh Hợp đồng 02-2023/HĐTV-XD ngày 09/03/2023, gói thầu Thiết kế và thi công di chuyển hạ ngầm đường điện 110kV đoạn đi qua Dự án Khu nhà ở Văn La	100%
52	45/NQ-SJG-HĐQT	28/05/2025	Phê duyệt phương án bán cổ phiếu quỹ	100%
53	46/NQ-SJG-HĐQT	02/06/2025	Phê duyệt dự toán và đơn vị thi công hạng mục: Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà - Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC), Dự án KĐT mới Nam An Khánh	100%
54	47/NQ-SJG-HĐQT	05/06/2025	Phê duyệt chi phí và đơn vị cung cấp, lắp đặt thiết bị nội thất rời (bàn, ghế hội nghị) Tòa B - Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC), Dự án KĐT mới Nam An khánh	100%
55	48/NQ-SJG-HĐQT	06/06/2025	Phê duyệt dự toán và đơn vị thi công hạng mục Cổng và biểu tượng kiến trúc - Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC) - KĐT mới Nam An Khánh	100%
56	49/NQ-SJG-HĐQT	10/06/2025	Phê duyệt chi phí , đơn vị thực hiện gói thầu: Thiết kế, thi công lắp đặt sa bàn Khu đô thị mới Nam An Khánh và Mô hình mẫu nhà phân khu Vista Serena trưng bày tại VICC - Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
57	50/NQ-SJG-HĐQT	11/06/2025	Triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần nguồn vốn chủ sở hữu	100%
58	52/NQ-SJG-HĐQT	16/06/2025	Phê duyệt chi phí và đơn vị thực hiện hạng mục: Gia công sản xuất và lắp đặt Biểu tượng đài phun nước (bể tròn) - Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC) -Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
59	53/NQ-SJG-HĐQT	17/06/2025	Thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty cổ phần thường niên 2025 của Công ty Đầu tư VINARE	100%
60	54/NQ-SJG-HĐQT	18/06/2025	Phê duyệt chi phí và đơn vị thực hiện công tác Truyền thông (giai đoạn 1) Dự án khu nhà ở thấp tầng Khu vực 2 – giai đoạn II (phân khu Vista Serena), Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
61	55/NQ-SJG-HĐQT	18/06/2025	Phê duyệt Dự toán và đơn vị thực hiện hạng mục: Cải tạo, sửa chữa sân vườn ngoài nhà, đài phun nước (phần xây dựng) và một số công việc khác – Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC), Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
62	56/NQ-SJG-HĐQT	19/06/2025	Sửa đổi và bổ sung Phục lục Hợp đồng số 04/2024/HĐ-ĐTDA ký ngày 05/4/2024 giữa Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình (Bên A) và Nhà đầu tư Liên danh (Bên B) Công ty cổ phần SJ Group (Tên cũ: Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà) với Công ty cổ phần SUDICO Hòa Bình	100%
63	57/NQ-SJG-HĐQT	21/06/2025	Phê duyệt dự toán và đơn vị thực hiện gói thầu: Thi công phần xây dựng, chiếu sáng ô CX26-CX9 và CX64-CX65 phân khu Vista Sarena (bao gồm cổng, chốt gác), Dự án ĐTXD và kinh doanh HTKT đồng bộ Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
64	58/NQ-SJG-HĐQT	23/06/2025	Bổ nhiệm Tổng giám đốc, Người đại diện pháp luật tại Công ty cổ phần SUDICO Hòa Bình	100%
65	59/NQ-SJG-HĐQT	26/06/2025	Thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt	100%
66	60/NQ-SJG-HĐQT	26/06/2025	Thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị HUDSE	100%
67	61/NQ-SJG-HĐQT	26/06/2025	Thực hiện công tác bàn giao hạng mục cấp điện trung thế, hạ thế và 12 trạm biến áp - Dự án Khu đô thị Nam An Khánh	100%
68	62/NQ-SJG-HĐQT	28/06/2025	Phê duyệt dự toán, kế hoạch và đơn vị thực hiện gói thầu: Thi công, chỉnh trang các hạng mục phục vụ kinh doanh bán hàng (bao gồm: Ốp gỗ mặt bậc bê tông, rải sỏi massage chân ô đất CCDV9; Chỉnh trang Tuyến A5 thuộc Khu vực 4 - Giai đoạn II; Chiếu sáng tăng cường cảnh quan ô đất HH5), Dự án KĐT mới Nam An Khánh	100%

W2

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
69	63/NQ-SJG-HĐQT	28/06/2025	Phê duyệt chi phí và đơn vị cung cấp, lắp đặt 02 màn hình Led P2.5 cho Phòng trưng bày và Phòng hội nghị của Tòa nhà B – Văng phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC) thuộc Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
70	64/NQ-SJG-HĐQT	28/06/2025	Phê duyệt Dự toán và đơn vị Cung cấp, lắp đặt hệ thống vòi phun và điện chiếu sáng đài phun nước – Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC) – Khu đô thị mới Nam An Khánh	100%
71	65/NQ-SJG-HĐQT	28/06/2025	Phê duyệt chi phí và kế hoạch thực hiện công tác sản xuất phim giới thiệu về Công ty CP SJ Group	100%

W2

DANH SÁCH VỀ NCLQ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ GIAO DỊCH CỦA NCLQ CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY/LIST OF RELATED PERSONS OF PUBLIC COMPANY AND TRANSACTIONS OF RELATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY ITSELF

Danh sách về người có liên quan của Công ty/The list of affiliated persons of the Company

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC/ GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
I	Hội đồng quản trị										
1	Bùi Quang Bách		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board	001076004038	19/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội	16/03/2023		ĐHĐCĐ bầu	
1.1	Bùi Viết Quỳnh			025046000122	19/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội	16/03/2023			Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Mẫn			035147001416	08/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội	16/03/2023			Mẹ đẻ
1.3	Nguyễn Thị Thu Hà			001176030312	16/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội	16/03/2023			Vợ
1.4	Bùi Hà Chi			001305019702	19/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội	16/03/2023			Con gái
1.5	Bùi Hoàng Nam			001208066668	10/04/2022	Cục Cảnh sát	Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội	16/03/2023			Con trai
1.6	Bùi Quỳnh Vân			001180004383	10/05/2021	Cục Cảnh sát	Số 30, Ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	16/03/2023			Em gái
1.7	Trương Ngọc Minh			001080030414	16/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 30, Ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	16/03/2023			Em rể
1.8	Nguyễn Thế Phong			033049000479	10/02/2023	Cục Cảnh sát	Số 3, Tổ 6, phường Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	16/03/2023			Bố vợ
1.9	Nguyễn Thị Mỹ										Mẹ vợ (đã mất)
1.10	CTCP Chứng khoán Quốc gia		TV HĐQT/Board Member	Giấy phép HKĐD số 27/UBCK-GPHĐKD	15/12/2006	UBCKNN	Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, Số 105 Chu Văn An, Yên Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	16/03/2023			TV HĐQT

STT /stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNDKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNDKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
1.11	CTCP SAM Holdings		TV HDQT/Board Member	ĐKKD số 3600253537	30/03/1998	Sở KH&ĐT TPHCM	127 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM	16/03/2023			TV HĐQT độc lập, Kiểm TV UBKTNB
1.12	CTCP Bất động sản Capella		TV HDQT/Board Member	0106840552	06/05/2015	Sở KH&ĐT Hà Nội	Tầng 6, Tòa nhà Samsora Premier, Số 105 Chu Văn An, Yên Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	16/03/2023			TV HĐQT
1.13	CTCP TASCO		TV HDQT/Board Member	600264117	26/12/2007	Sở KH&ĐT Hà Nội	Tòa nhà Tasco, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	16/03/2023			TV HĐQT
2	Phương Xuân Thụy	052C123363	TV HDQT/Board Member	027077000245	31/03/2022	Cục Cảnh sát	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội	16/03/2023		DHĐCD bầu	
2.1	Phương Xuân Thịnh			012837464		CA Hà Nội	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội	16/03/2023			Bố đẻ
2.2	Nguyễn Thị Lan			027049000080	26/10/2016	CA Bắc Ninh	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội	16/03/2023			Mẹ đẻ
2.3	Phương Thừa Vũ			012425915	16/04/2001	CA Hà Nội	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội	16/03/2023			Anh ruột
2.4	Phương Quốc Vĩnh			012476196	09/01/2007	CA Hà Nội	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội	16/03/2023			Anh ruột
2.5	Lê Thị Như Mai			125006204	30/06/2015	CA Bắc Ninh	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội	16/03/2023			Chị dâu
2.6	Phương Minh Huệ			012400442	12/03/2012	CA Hà Nội	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội	16/03/2023			Chị ruột
2.7	Nguyễn Bá Cảnh			012476173	24/09/2001	CA Hà Nội	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội	16/03/2023			Anh rể
2.8	Đỗ Thị Ngọc Hà			024177001233	08/04/2021	Cục Cảnh sát	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội	16/03/2023			Vợ
2.9	Phương Minh Thái						24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội	16/03/2023			Con đẻ
2.10	Phương Đỗ Thái Dương						24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội	16/03/2023			Con đẻ
2.11	Đỗ Ngọc Dũng			125494505	16/12/2008	CA Bắc Ninh	Kim Động, TT Thừa, Lương Tài, Bắc Ninh	16/03/2023			Bố vợ

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN DKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCN DKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NDKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCN DKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NDKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCN DKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
2.12	Phạm Thị Huệ			125476512	10/04/2009	CA Bắc Ninh	Kim Động, TT Thừa, Lương Tài, Bắc Ninh	16/03/2023			Mẹ vợ
2.13	Công ty CP Đầu tư Infinity Group		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board	0107645709	25/11/2016	Sở KH&ĐT Hà Nội	Tầng 6 toà nhà Samsora Premier số 105 đường Chu Văn An, phường Yết Kiêu, Hà Đông, TP Hà Nội	16/03/2023			Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
2.14	CTCP SACOM Tuyền Lâm		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board	5800855363	13/07/2016	Sở KH&ĐT Lâm Đồng	Khu chức năng số 7 và 8, khu DL Hồ Tuyền Lâm, phường 3, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	16/03/2023			Chủ tịch HĐQT
2.15	CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ		TV HĐQT/Board Member	0301074118	21/07/2006	Sở KH&ĐT TPHCM	15 đường số 2, Cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, TP Hồ Chí Minh	16/03/2023			TV HĐQT
2.16	CTCP SAM Holdings		TV HĐQT/Board Member	3600253537	30/03/1998	Sở KH&ĐT TPHCM	152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	16/03/2023			Phó Chủ tịch HĐQT
2.17	CTCP Công viên nước Đầm Sen		TV HĐQT/Board Member	4103001384	13/02/2003	Sở KH&ĐT TPHCM	03 Hoà Bình, Phường 3, Quận 11, TP.HCM	16/03/2023			TV HĐQT
3	Đỗ Lê Minh		TV HĐQT/Board Member	001186009285	06/03/2023	Cục cảnh sát	72D, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	28/3/2025		DHDCD bầu	
3.1	Đỗ Văn Bích										Bồ dẻ (dã mất)
3.2	Lê Thị Lan			001155033183	24/06/2021	Cục cảnh sát	72D Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	28/03/2025			Mẹ đẻ
3.3	Phương Hữu Việt			027064000264	31/12/2024	Cục cảnh sát	72D Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	28/03/2025			Chồng
3.4	Phương Hồng Minh			001306036733	04/06/2023	Cục cảnh sát	72D Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	28/03/2025			Con ruột
3.5	Phương Quốc Bình							28/03/2025			Con ruột
3.6	Phương Việt Linh							28/03/2025			Con ruột

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ IIC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/CCCD/HC/GCN ĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/CCCD/HC/GCN ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
3.7	Đỗ Minh Ngọc			001180021979	10/10/2024	Cục cảnh sát	Số 49 ngõ 193 Trung Kính, Tổ 32 Yên Hòa, Cầu Giấy	28/03/2025			Chị ruột
3.8	Phượng Xuân Hòa										Bố chồng (đã mất)
3.9	Lương Thị Bền										Mẹ chồng (đã mất)
4	Trần Như Trung		TV, HĐQT kiêm TGD Công ty/Board Member and concurrently General Director of the Company	004071006732	02/05/2021	Cục Cảnh sát	P207, G6, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	28/03/2025		ĐHDCD bầu	
4.1	Trần Đình Viện			040036000226	10/04/2021	Cục cảnh sát	6 Dãy N7 90 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội	28/03/2025			Bố đẻ
4.2	Đặng Hồng Thuyên										Mẹ đẻ (đã mất)
4.3	Trần Bạch Giang			042049000186	05/08/2022	Cục cảnh sát	P12A11 nhà 18T1, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.	28/03/2025			Bố vợ
4.4	Nguyễn Thị Tĩnh			001148011623	02/05/2021	Cục cảnh sát	P12A11 nhà 18T1, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.	28/03/2025			Mẹ Vợ
4.5	Trần Anh Hoa			040164000356	27/03/2019	Cục cảnh sát	12/41 - Búi Xương Trạch - Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội	28/03/2025			Chị gái
4.6	Võ Thanh Quỳnh			040059000551	10/07/2021	Cục cảnh sát	12/41 - Búi Xương Trạch - Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội	28/03/2025			Anh rể
4.7	Trần An Lộc			BD3461765	26/05/2020	Slovakia	Slovakia	28/03/2025			Chị gái
4.8	Lê Hồng Quang			BA0434744	19/08/2015	Slovakia	Slovakia	28/03/2025			Anh rể
4.9	Trần Như Dũng			040076000071	10/04/2021	Cục cảnh sát	6 Dãy N7 90 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội	28/03/2025			Em trai
4.10	Nguyễn Thị Châu			040187002306	10/04/2021	Cục cảnh sát	6 Dãy N7 90 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội	28/03/2025			Em dâu

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/CCCD/HC/GCNĐKDNID card/CCCD/HC/GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/CCCD/HC/GCNĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/CCCD/HC/GCNĐKDN/Place of issuance of ID card/CCCD/HC/GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
4.11	Trần Hồng Việt	105C525511		001174004049	17/04/2015	Cục cảnh sát	1/140 Khuất Duy Tiên - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội	28/03/2025			Vợ
4.12	Trần Hoàng Nam	1048145		001083007276	24/08/2022	Cục cảnh sát	P12A11 nhà 18T1 kdt Trung hoà Nhân Chính - phường Nhân Chính - Thanh Xuân, Hà Nội.	28/03/2025			Em vợ
4.13	Trần Hoàng Khánh Linh			001306055764	22/11/2021	Cục cảnh sát	1/140 Khuất Duy Tiên - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội	28/03/2025			Con gái
4.14	Trần Việt Anh			001201013989	08/04/2016	Cục cảnh sát	1/140 Khuất Duy Tiên - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội	28/03/2025			Con trai
5	Nguyễn Việt Cường	058C153366	TV, HĐQT kiêm Phó TGD Công ty/Board Member and concurrently Deputy General Director of the Company	026077004285	19/05/2023	Cục Cảnh sát	TT3-03 KDT mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội.	28/03/2025		DHĐCD bầu	
5.1	Nguyễn Văn Cưu	-		026044000626	24/06/2021	Cục Cảnh sát	Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	28/03/2025			Bố đẻ
5.2	Nguyễn Thị Húng	-		026145001062	24/06/2021	Cục cảnh sát	Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	14/06/2024			Mẹ đẻ
5.3	Trịnh Thanh Hằng	058C566983		001185042305	24/08/2002	Cục cảnh sát	TT3-03 Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.	14/06/2024			Vợ
5.4	Nguyễn Hà Vy	-		001305001052	13/05/2021	Cục cảnh sát	Số 10 đường Thanh Niên, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội	14/06/2024			Con gái
5.5	Nguyễn Việt Bách	-		001208062555	24/08/2022	Cục cảnh sát	TT3-03 Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.	14/06/2024			Con trai
5.6	Nguyễn Kim Cát Tiên						TT3-03 Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.	14/06/2024			Con gái
5.7	Nguyễn Thị An Huy						Cộng hòa Liên bang Đức	14/06/2024			Chị gái

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC/ GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
5.8	Nguyễn Văn Bảo						Cộng hòa Liên bang Đức	14/06/2024			Anh rể
5.9	Nguyễn Thị Thanh Hường			026173000804	19/08/2021	Cục cảnh sát	Phố Chùa Hà, Định Trung, Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	14/06/2024			Chị gái
5.10	Lê Minh Anh			001064032037	11/07/2022	Cục cảnh sát	Phố Chùa Hà, Định Trung, Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	14/06/2024			Anh rể
5.11	Nguyễn Đức Quang			026080005427	04/05/2021	Cục cảnh sát	TDP Chợ Tổng, Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	14/06/2024			Em trai
5.12	Cao Thị Kim Thành			026187004379	25/08/2021	Cục cảnh sát	TDP Chợ Tổng, Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	14/06/2024			Em dâu
5.13	Trịnh Hữu Thêm	-		001059032000	10/07/2021	Cục cảnh sát	Số 18, ngõ 26 Phố Kim Hoa, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	14/06/2024			Bố vợ
5.14	Nguyễn Thanh Huyền	058C191168		001168017365	29/07/2021	Cục cảnh sát	Số 18, ngõ 26 Phố Kim Hoa, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	14/06/2024			Mẹ vợ
5.15	CTCP SJ Dịch vụ		Chủ tịch HĐQT	0103018998	10/08/2007	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng M3, Tòa nhà CT1, KĐT Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	14/06/2024			Chủ tịch HĐQT
5.16	CTCP SUDICO Hòa Bình		TV HĐQT	5400352196	25/09/2010	Sở KH&ĐT tỉnh Hòa Bình	Khu đất DV1-2, Khu dân cư Bắc Trần Hưng Đạo, ngõ 323 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	14/06/2024			TV HĐQT
6	Đỗ Văn Bình	028C115588	PCT HĐQT/Vice Chairman of Board of Directors	027060006666	16/07/2021	CA Hà Nội	Số 4+6 Ngõ 117, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội	30/06/2012	28/03/2025	Hết nhiệm kỳ	
6.1	Đỗ Văn Quý										Bố đẻ (đã mất)
6.2	Vũ Thị Chung										Mẹ đẻ (đã mất)
6.3	Lưu Thị Chung			011911955	09/04/2008	CA Hà Nội	Số 4+6 Ngõ 117, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội	30/06/2012	28/03/2025		Vợ
6.4	Đỗ Bình Dương			027087000333	22/06/2017	Cục Cảnh sát	Số 4+6 Ngõ 117, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội	30/06/2012	28/03/2025		Con ruột

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card/ CCCD/ HC/ GCNDKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NDKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNDKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NDKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNDKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
6.5	Phạm Thị Ngọc Thạch	026C259645		093191000002	09/06/2016	Cục Cảnh sát	Số 4+6 Ngõ 117, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội	30/06/2012	28/03/2025		Con dâu
6.6	Đỗ Vi Anh						Số 4+6 Ngõ 117, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội	30/06/2012	28/03/2025		Con ruột
6.7	Đỗ Thị Chính										Chị ruột (đã mất)
6.8	Đỗ Văn Nguyên						Bắc Ninh	30/06/2012	28/03/2025		Anh ruột
6.9	Đỗ Văn Thái						Thái Thịnh, Hà Nội	30/06/2012	28/03/2025		Anh ruột
6.10	Đỗ Thị Hòa										Chị ruột (đã mất)
6.11	Đỗ Thị Trịnh						Bắc Ninh	30/06/2012	28/03/2025		Chị ruột
7	Chu Thị Thu Hương		TV HDQT/Board Member	001174016144	27/04/2021	Cục Cảnh sát	P1302 nhà HH1, Chung cư Yên Hòa, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	16/06/2022	28/03/2025	Hết nhiệm kỳ	
7.1	Chu Trí Thức			027040000101	04/05/2018	Cục Cảnh sát	P1008, Đơn nguyên 2 nhà CT3 KĐT mới Trung Vân, Hà Nội	16/06/2022	28/03/2025		Bố đẻ
7.2	Nguyễn Thị Tứ			027145000112	23/04/2018	Cục Cảnh sát	P1008, Đơn nguyên 2 nhà CT3 KĐT mới Trung Vân, Hà Nội	16/06/2022	28/03/2025		Mẹ đẻ
7.3	Vũ Ngọc Quỳnh			033036000329	12/11/2018	Cục Cảnh sát	Aquaybay Sky3 Ecopack - phòng 612	16/06/2022	28/03/2025		Bố chồng
7.4	Đoàn Anh Thư										Mẹ chồng (đã mất)
7.5	Vũ Minh Trí			001069025778	27/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 1 ngách 269 Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	16/06/2022	28/03/2025		Chồng
7.6	Vũ Sáng			001099031420	27/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 1 ngách 269 Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	16/06/2022	28/03/2025		Con ruột
7.7	Vũ Thị Thanh Trúc			001300038181	27/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 1 ngách 269 Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	16/06/2022	28/03/2025		Con ruột
7.8	Chu Trí Hiền	044C2121951		027072000371	10/07/2021	Cục Cảnh sát	Nhà số 11 ngõ 59 Chùa Bộc, Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	16/06/2022	28/03/2025		Anh ruột
7.9	Nguyễn Thị Thu Hòa			033177001913	10/07/2021	Cục Cảnh sát	Nhà số 11 ngõ 59 Chùa Bộc, Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	16/06/2022	28/03/2025		Chị dâu
7.10	Vũ Nguyên Lượng	058C447227		001072003439	17/03/2015	Cục Cảnh sát	Số 8 hẻm 426/48/52 tổ 11B, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	16/06/2022	28/03/2025		Em chồng

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNDKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNDKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
7.11	Trần Thị Minh Huyền	058C436048		001174003685	16/03/2018	Cục Cảnh sát	Số 8 hẻm 426/48/52 tổ 11B, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	16/06/2022	28/03/2025		Em dâu
7.12	Vũ Tường Quân			001076087354	22/11/2021	Cục Cảnh sát	CT3 Khu đô thị mới Yên Hoà- ngõ 6 Dương Đình Nghệ- P803	16/06/2022	28/03/2025		Em chồng
7.13	Nguyễn Thị Thanh Quý	009C044342		001183002677	14/07/2014	Cục Cảnh sát	CT3 Khu đô thị mới Yên Hoà- ngõ 6 Dương Đình Nghệ- P803	16/06/2022	28/03/2025		Em dâu
8	Nguyễn Phú Cường	052C123363	TV HDQT/Board Member	025068000093	24/06/2021	Cục cảnh sát	P.1601-DN3-CC15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	26/03/2007	28/03/2025	Hết nhiệm kỳ	
8.1	Nguyễn Đăng Thông			011609340	22/09/2003	CA Hà Nội	3/12 Nguyễn Phúc Lai, Ô Chợ Dừa, HN	26/03/2007	28/03/2025		Bố đẻ
8.2	Vi Thị Loan	019C-006508		011558523	11/10/2003	CA Hà Nội	3/12 Nguyễn Phúc Lai, Ô Chợ Dừa, HN	26/03/2007	28/03/2025		Mẹ đẻ
8.3	Phan Thị Thanh Thủy	005C288865		011369004	04/01/2002	CA Hà Nội	P.1601-DN3-CC15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	26/03/2007	28/03/2025		Vợ
8.4	Nguyễn Phan Khánh Linh						P.1601-DN3-CC15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	26/03/2007	28/03/2025		Con ruột
8.5	Nguyễn Phan Anh						P.1601-DN3-CC15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	26/03/2007	28/03/2025		Con ruột
8.6	Nguyễn Đăng Kiên						Công tác và định cư tại CH Liên bang Đức	26/03/2007	28/03/2025		Anh ruột
8.7	Nguyễn Hữu Trung	006C005654		011354430	07/07/1997	CA Hà Nội	3/12 Nguyễn Phúc Lai, Ô Chợ Dừa, HN	26/03/2007	28/03/2025		Em ruột
8.8	Nguyễn Tiến Dũng			011864539	18/04/2003	CA Hà Nội	3/12 Nguyễn Phúc Lai, Ô Chợ Dừa, HN	26/03/2007	28/03/2025		Em ruột
II	Ban Tổng giám đốc										
1	Trần Như Trung (như mục I)		TGD Công ty/General Director of the Company					13/10/2023		HDQT Bỏ nhiệm	

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC ĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
2	Nguyễn Việt Cường (như mục I)		Phó TGD/Deputy General Director of the Company					14/06/2025		HDQT Bổ nhiệm	
3	Trần Oanh		Phó TGD/Deputy General Director of the Company	001077022177	25/02/2019	Cục Cảnh sát	Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	09/01/2023		HDQT Bổ nhiệm	
3.1	Trần Văn Hoạch			036049002184	01/03/2022	Cục Cảnh sát	Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	09/01/2023			Bố đẻ
3.2	Nguyễn Thị Thành			001151008132	09/04/2021	Cục Cảnh sát	Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	09/01/2023			Mẹ đẻ
3.3	Cao Thế Tâm										Bố vợ (đã mất)
3.4	Nguyễn Thị Oanh			001150010024	23/03/2021	Cục Cảnh sát	Số 12, Dãy H5, Khu tập thể Bà Triệu, Hà Đông, Hà nội	09/01/2023			Mẹ Vợ
3.5	Cao Thị Thu Anh			001177017084	30/03/2018	Cục Cảnh sát	Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	09/01/2023			Vợ
3.6	Trần Tuấn Linh			001206021522	09/04/2021	Cục Cảnh sát	Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	09/01/2023			Con trai
3.7	Trần Bảo Anh						Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	09/01/2023			Con gái
3.8	Trần Tuấn Minh						Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	09/01/2023			Con trai
3.9	Trần Thị Lan			001174037277	10/07/2021	CA Hà Nội	P7 nhà 4C khu TT Nam Đồng - P. Nam Đồng - Đống Đa, Hà Nội	09/01/2023			Chị gái
3.10	Cao Hồng Giang			001063042037	10/07/2021	CA Hà Nội	P7 nhà 4C khu TT Nam Đồng - P. Nam Đồng - Đống Đa, Hà Nội	09/01/2023			Anh rể

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
3.11	Trần Thị Thanh Huệ			001181032281	25/04/2021	CA Hà Nội	Tổ 19, cụm 3, Phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà nội	09/01/2023			Em gái
3.12	Nguyễn Tiến Dũng	002C082880 Sàn SBC		001076031002	25/04/2021	CA Hà Nội	Tổ 19, cụm 3, Phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà nội	09/01/2023			Em rể
4	Nguyễn Trần Dũng		Phó TGD/Deputy General Director of the Company	001071017967	26/06/2018	Cục Cảnh sát	82B Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội	16/11/2018		HDQT Bỏ nhiệm	
4.1	Nguyễn Minh Trí			001045005245	19/08/2021	Cục Cảnh sát	P212D, khu ba tầng, đường Lê Hồng Phong, P. Nguyễn Trãi, Hà Đông, HN	16/11/2018			Bố đẻ
4.2	Trần Thị Hội										Mẹ đẻ (đã mất)
4.3	Hồ Quang An			001055000003	17/07/2019	Cục Cảnh sát	172 ngõ chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, HN	16/11/2018			Bố Vợ
4.4	Vũ Thị Hoa			001156009790	23/05/2018	Cục Cảnh sát	172 ngõ chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, HN	16/11/2018			Mẹ Vợ
4.5	Hồ Thu Hằng			001177048176	22/11/2021	Cục Cảnh sát	82B, Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội	16/11/2018			Vợ
4.6	Nguyễn Hồ Quỳnh Anh			001303026221	10/07/2022	Cục Cảnh sát	82B, Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội	16/11/2018			Con ruột
4.7	Nguyễn Hồ Đức			001206000039	06/07/2022	Cục Cảnh sát	82B, Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội	16/11/2018			Con ruột
4.8	Nguyễn Trần Tuệ			001068022800	08/04/2021	Cục Cảnh sát	P2901 CT4B Khu nhà ở Xala, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội	16/11/2018			Anh ruột
4.9	Bùi Thị Thu Thủy			037186007169	08/04/2021	Cục Cảnh sát	P2901 CT4B Khu nhà ở Xala, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội	16/11/2018			Chị dâu
4.10	Nguyễn Trung Linh			001089032283	27/04/2021	Cục Cảnh sát	P212D, khu ba tầng, đường Lê Hồng Phong, P. Nguyễn Trãi, Hà Đông, HN	16/11/2018			Em ruột



✓

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GCNDKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC/ GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GCNDKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
5	Nguyễn Công Chính	030C361080	Phó TGD/Deputy General Director of the Company	013579109	19/07/2012	CA Hà Nội	Tổ dân phố Phú Hà, phường Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	16/11/2018		HDQT Bổ nhiệm	
5.1	Nguyễn Văn Ruệ			034054019002	24/06/2021	Cục Cảnh sát	Lưu Phương, xã Tây Phong, Tiền Hải, Thái Bình	16/11/2018			Bố đẻ
5.2	Phạm Thị Hoa										Mẹ đẻ (đã mất)
5.3	Tô Đình Khuê			034056005904	22/09/2020	CA Hà Nội	Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	16/11/2018			Bố Vợ
5.4	Hoàng Thị Loan			034159002459	10/09/2019	CA Hà Nội	Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	16/11/2018			Mẹ Vợ
5.5	Tô Thị Phương			034179002288	29/04/2021	Cục Cảnh sát	Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	16/11/2018			Vợ
5.6	Nguyễn Phương Chính			001305005023	13/11/2021	Cục Cảnh sát	Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	16/11/2018			Con ruột
5.7	Nguyễn Nam Khánh						Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	16/11/2018			Con ruột
5.8	Nguyễn Đức Thiện			034078009723	10/05/2020	CA Thái Bình	Lưu Phương, Tây Phong, Tiền Hải, Thái Bình	16/11/2018			Anh ruột
5.9	Trần Thị Hoài			034179002605	20/01/2016	CA Thái Bình	Lưu Phương, Tây Phong, Tiền Hải, Thái Bình	16/11/2018			Chị dâu
5.10	Nguyễn Thị Thanh Mừng			034186016131	05/10/2021	Cục Cảnh sát	TDP 3, Miêu Nha, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	16/11/2018			Em ruột
5.11	Phạm Quốc Trị			034086008726	26/04/2018	CA Hà Nội	TDP 3, Miêu Nha, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	16/11/2018			Em rể
III	Ban kiểm soát										

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
1	Lê Thị Thủy		Trưởng BKS/Head of Corporate Control Board	030180008871	15/04/2021	Cục cảnh sát	TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	16/06/2022		ĐHĐCĐ bầu	
1.1	Lê Đức Tuấn			140221452	27/08/2012	CA Hải Dương	Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương	16/06/2022			Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Lụa			140221664	15/12/2007	CA Hải Dương	Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương	16/06/2022			Mẹ đẻ
1.3	An Đăng Tuyển			030052001044	09/05/2017	Cục Cảnh sát	Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, Hải Dương	16/06/2022			Bố chồng
1.4	Bùi Thị Nhân			030077008127	17/05/2021	Cục Cảnh sát	Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, Hải Dương	16/06/2022			Mẹ chồng
1.5	An Đăng Quyền			030077008127	06/03/2021	Cục Cảnh sát	TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	16/06/2022			Chồng
1.6	Lê Anh Dũng			030078002204	26/10/2016	Cục Cảnh sát	Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương	16/06/2022			Anh ruột
1.7	Cao Thị Hoàng Lý			C3583865	07/06/2017	Cục XNC	Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương	16/06/2022			Chị dâu
1.8	An Đăng Quang			030205000482	05/07/2022	Cục Cảnh sát	TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	16/06/2022			Con ruột
1.9	An Hoàng Quân						TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	16/06/2022			Con ruột
2	Trần Thị Thanh Huyền		Thành viên BKS/Member of the company's board of directors	001176041339	20/11/2021	Cục cảnh sát	Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội	16/06/2022		ĐHĐCĐ bầu	
2.1	Trần Văn Toàn			008050000041	04/06/2020	Cục Cảnh sát	26 ngõ 344, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	16/06/2022			Bố đẻ
2.2	Nguyễn Thị Thanh			038150005817	04/06/2020	Cục Cảnh sát	26 ngõ 344, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	16/06/2022			Mẹ đẻ

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
2.3	Lê Đình Điền										Bố chồng (đã mất)
2.4	Đinh Thị Nén										Mẹ chồng (đã mất)
2.5	Lê Minh Thắng			011958537	03/08/2010	CA Hà Nội	Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	16/06/2022			Chồng
2.6	Lê Trần Ngọc Minh			001201002389	06/08/2015	Cục Cảnh sát	Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	16/06/2022			Con ruột
2.7	Lê Huyền Linh			001305002501	19/07/2019	Cục Cảnh sát	Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	16/06/2022			Con ruột
2.8	Lê Trần Liên Hoa						Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	16/06/2022			Con ruột
2.9	Trần Thanh Hương	003C126169		001179000281	08/02/2013	Cục Cảnh sát	P110 nhà E khu tập thể T36 Bộ Công An, ngõ 173 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà nội	16/06/2022			Em ruột
2.10	Phạm Đức Long	003C131416		022077001943	23/11/2017	Cục Cảnh sát	P110 nhà E khu tập thể T36 Bộ Công An, ngõ 173 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà nội	16/06/2022			Em rể
3	Nguyễn Thu Hiền		Thành viên BKS/Member of the company's	030195010125	25/8/2021	Cục cảnh sát	Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương	28/03/2025		DHDCD bầu	
3.1	Nguyễn Đức Chiến			030070022974	24/02/2022	Cục cảnh sát	Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương	28/03/2025			Bố đẻ
3.2	Nguyễn Thị Huân			030175002845	25/08/2021	Cục cảnh sát	Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương	28/03/2025			Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Thị Thảo Linh			030302002210	14/08/2021	Cục cảnh sát	Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương	28/03/2025			Em ruột

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/ID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC/ GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
3.4	Nguyễn Đức Hùng			030291709006	14/04/2023	Cục cảnh sát	Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương	28/03/2025			Em ruột
4	Nguyễn Ngọc Thắng	074C000003	Thành viên BKS/Member of the company's board of directors	036072010734	10/07/2021	Cục cảnh sát	Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN	30/6/2012	28/3/2025	Hết nhiệm kỳ	
4.1	Nguyễn Viết Dư						Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN	30/6/2012	28/03/2025		Bố đẻ
4.2	Đinh Thị Toàn						Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN	30/6/2012	28/03/2025		Mẹ đẻ
4.3	Vũ Thanh Hùng						Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN				Bố vợ (đã mất)
4.4	Đoài Thị Minh Thu						Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN	30/6/2012	28/03/2025		Mẹ vợ
4.5	Vũ Hương Giang			013021074	18/10/2007	CA Hà Nội	Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN	30/6/2012	28/03/2025		Vợ
4.6	Nguyễn Vũ Phương Linh						Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN	30/6/2012	28/03/2025		Con ruột
4.7	Nguyễn Vũ Hà Phương						Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN	30/6/2012	28/03/2025		Con ruột
4.8	Nguyễn Thanh Thủy						Bệnh viện Mắt Nam Định	30/6/2012	28/03/2025		Em ruột
4.9	Nguyễn Văn Bình							30/6/2012	28/03/2025		Em rể
IV	Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Ban KTNB, Thư ký Công ty										

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
1	Nguyễn Hải Ninh		Giám đốc Tài chính, Người được ủy quyền CBTT/Chief Financial Officer, Authorized Disclosure Officer	004073007746	07/08/2022	Cục Cảnh sát	Số 35, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	12/06/2023		HDQT Bổ nhiệm	
1.1	Nguyễn Văn Nghiên										Bồ đề (đã mất)
1.2	Phạm Thị Hiền			011813084	20/04/2014	CA Hà Nội	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	12/06/2023			Mẹ đẻ
1.3	Trần Huy Thiện			001042005036	16/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	12/06/2023			Bồ vợ
1.4	Phạm Thị Hòa			001148002338	04/05/2021	Cục Cảnh sát	Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	12/06/2023			Mẹ Vợ
1.5	Nguyễn Hải Nam			001087002491	22/05/2021	Cục Cảnh sát	Tổ 20, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	12/06/2023			Em trai
1.6	Đào Minh Hường			001196004695	11/04/2021	Cục Cảnh sát	Tổ 20, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	12/06/2023			Em dâu
1.7	Trần Thị Thanh Hiền			001175000421	22/11/2021	Cục Cảnh sát	Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	12/06/2023			Vợ
1.8	Trần Thị Quỳnh Anh			001187002693	02/05/2021	Cục Cảnh sát	Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	12/06/2023			Em vợ
1.9	Nguyễn Trần Trung			001099008410	15/07/2015	Cục Cảnh sát	Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	12/06/2023			Con trai
1.10	Nguyễn Trần Minh Quân			001203002988	01/05/2021	Cục Cảnh sát	Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội				Con trai
2	Trần Việt Dũng	052C105020	Kế toán trưởng/Chief Accountant	001081003926	25/7/2021	Cục Cảnh sát	06 Lê Thánh Tông, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	02/11/2012		HDQT Bổ nhiệm	
2.1	Trần Văn Chính			037051000717	27/05/2019	Cục Cảnh sát	Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN	02/11/2012			Bồ đẻ

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
2.2	Nghiêm Đức Hạnh			019152000126	27/05/2019	Cục Cảnh sát	Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN	02/11/2012			Mẹ đẻ
2.3	Trần Chu Thịnh			011402196	28/05/2011	CA Hà Nội	Nhà N13 tổ 8 Dịch Vọng, Cầu Giấy Hà Nội	02/11/2012			Bố vợ
2.4	Nguyễn Thị Minh			001164007937	13/09/2016	Cục Cảnh sát	Nhà N13 tổ 8 Dịch Vọng, Cầu Giấy Hà Nội	02/11/2012			Mẹ vợ
2.5	Trần Hoài Thu			001186038719	24/04/2021	Cục Cảnh sát	29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	02/11/2012			Vợ
2.6	Trần Nhật Nam						29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	02/11/2012			Con ruột
2.7	Trần Minh Khôi						29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	02/11/2012			Con ruột
2.8	Trần Việt Phương			001086014154	09/07/2016	Hà Nội	Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN	02/11/2012			Em ruột
2.9	Lý Thái Hà			001188011413	03/03/2017	Cục Cảnh sát	Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN	02/11/2012			Em dâu
3	Nguyễn Minh Sơn	006C009446	Trưởng ban KTNB/Head of Internal Audit	017075000068	22/11/2021	Cục Cảnh sát	P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	06/10/2022		HDQT Bỏ nhiệm	
3.1	Nguyễn Minh Biếc										Bố đẻ (đã mất)
3.2	Nguyễn Thị Lài										Mẹ đẻ (đã mất)
3.3	Nguyễn Văn Hùng			113295478	12/07/2007	CA Hòa Bình	Xóm 1, Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	06/10/2022			Bố vợ
3.4	Bùi Thị Lý						Xóm 1, Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	06/10/2022			Mẹ Vợ
3.5	Nguyễn Ngọc Hải			012281284	26/02/2001	CA Hà Nội	SN 113, H3, TXN, T.Xuân, Hà Nội	06/10/2022			Anh ruột
3.6	Nông Thị Mai			011490190	26/02/2001	CA Hà Nội	SN 113, H3, TXN, T.Xuân, Hà Nội	06/10/2022			Chị dâu
3.7	Nguyễn Thị Hòa						Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình	06/10/2022			Chị ruột

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/ID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC/ GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
3.8	Trịnh Đức Vượng						Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình	06/10/2022			Anh rể
3.9	Nguyễn Ngọc Thanh										Anh ruột (đã mất)
3.10	Trần Thị Ngoan						Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình	06/10/2022			Chị dâu
3.11	Nguyễn Thanh Kỳ						Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình	06/10/2022			Anh ruột
3.12	Nguyễn Thị Trang			001184012220	25/02/2016	Cục Cảnh sát	P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	06/10/2022			Vợ
3.13	Nguyễn Minh Quỳnh Như						P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	06/10/2022			Con ruột
3.14	Nguyễn Quang Vinh						P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	06/10/2022			Con ruột
4	Nguyễn Đăng Vinh		Thư ký, Người PTQT Công ty/Secretary, Corporate Governance Officer	027076012742	25/6/2024	Cục cảnh sát	Chung cư One18, ngõ 298 Ngọc lâm, Long Biên, Hà Nội	06/03/2025		HDQT Bổ nhiệm	
4.1	Nguyễn Đăng Quyền										Bố đẻ (đã mất)
4.2	Lương Thị Thức			027134001523	20/06/2021	Cục cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh				Mẹ đẻ
4.3	Phạm Minh Hải			001176017416	04/04/2021	Cục cảnh sát	Tổ 15, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội				Vợ
4.4	Nguyễn Đăng Anh			001203005483	27/04/2021	Cục cảnh sát	Tổ 15, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội				Con ruột
4.5	Nguyễn Đăng Thái Anh			001209000998	08/12/2023	Cục Cảnh sát	Tổ 15, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội				Con ruột
4.6	Nguyễn Đăng Hành			027055004662	04/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh				Anh trai
4.7	Phạm Thị Vân			027161005069	09/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh				Chị dâu
4.8	Nguyễn Thị Chính			027157004782	25/06/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh				Chị gái

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
4.9	Phạm Đức Lịch			027058005089	28/06/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh				Anh rể
4.10	Nguyễn Thị Tính			027162004833	04/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh				Chị gái
4.11	Đỗ Văn Khách			027060007892	04/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh				Anh rể
4.12	Nguyễn Đăng Thông			027065000284	26/10/2022	Cục Cảnh sát	116/14 Huỳnh Văn Nghệ, Phường 15, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh				Anh trai
4.13	Nguyễn Thị Hương					Cục Cảnh sát	116/14 Huỳnh Văn Nghệ, Phường 15, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh				Chị dâu
4.14	Nguyễn Thị Thao			027168009640	12/08/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Đạo Sử, Lương Tài, Bắc Ninh				Chị gái
4.15	Bùi Bá Hóa			027063009719	12/08/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Đạo Sử, Lương Tài, Bắc Ninh				Anh rể
4.16	Nguyễn Thị Thạo			027171007680	10/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh				Chị gái
4.17	Trần Hữu Cường			027064008066	15/10/2024	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh				Anh rể
4.18	Nguyễn Thị Mỹ			027174010176	10/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh				Chị gái
4.19	Nguyễn Văn Dương			027070006674	10/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh				Anh rể
4.20	Phạm Văn Tông			001052006238	04/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Xuân Dục, Gia Lâm, Hà Nội				Bố vợ
4.21	Nguyễn Thị Phương Mai					Cục Cảnh sát	Thôn Xuân Dục, Gia Lâm, Hà Nội				Mẹ vợ (đã mất)
5	Trần Phụng Dư	009C900737	Thư ký, Người PTQT Công ty/Secretary, Corporate Governance Officer	010075000013	30/4/2021	Cục cảnh sát	Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	25/06/2018	06/03/2025	Theo nguyên vọng cá nhân	
5.1	Trần Duẩn			012968446	15/05/2007	CA Hà Nội	Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	25/06/2018	06/03/2025		Bố đẻ
5.2	Nguyễn Thị Thu			012968459	15/05/2007	CA Hà Nội	Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	25/06/2018	06/03/2025		Mẹ đẻ
5.3	Phạm Bá Quý			020051000024		Cục Cảnh sát	Freyberg Avenue-Papatoetoe-Auckland-Newzeland	25/06/2018	06/03/2025		Bố vợ

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/ID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
5.4	Phí Thị Kim			022154000082		Cục Cảnh sát	Freyberg Avenue-Papatoetoe-Auckland-Newzeland	25/06/2018	06/03/2025		Mẹ vợ
5.5	Phạm Ngọc Minh			022179005859	05/01/2021	Cục Cảnh sát	Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	25/06/2018	06/03/2025		Vợ
5.6	Trần Phương Anh						Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	25/06/2018	06/03/2025		Con ruột
5.7	Trần Minh Hoàng						Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	25/06/2018	06/03/2025		Con ruột
5.8	Trần Ruby Phụng						Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	25/06/2018	06/03/2025		Con ruột
5.9	Trần Kim Dung			010173000068	19/04/2018	Cục Cảnh sát	Tòa nhà V1, Văn Phú - Victoria, CT9, KĐT mới Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội	25/06/2018	06/03/2025		Chị ruột
5.10	Trần Mai Duyên			010177000102	15/07/2018	Cục Cảnh sát	Khu TT Nông Lâm, Phố Nối, Hưng Yên	25/06/2018	06/03/2025		Em ruột
5.11	Đỗ Thế Hưng			145906769	12/12/2014	CA Hưng yên	Khu TT Nông Lâm, Phố Nối, Hưng Yên	25/06/2018	06/03/2025		Em rể
5.12	Trần Minh Thương			010079000008	11/06/2014	Cục Cảnh sát	Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	25/06/2018	06/03/2025		Em ruột
5.13	Nguyễn Hương Thảo			030183000210	11/06/2014	Cục Cảnh sát	Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	25/06/2018	06/03/2025		Em dâu

W

DANH SÁCH VỀ NCLQ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ GIAO DỊCH CỦA NCLQ CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY/LIST OF RELATED PERSONS OF PUBLIC COMPANY AND TRANSACTIONS OF RELATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY ITSELF

Danh sách về người có liên quan của Công ty/The list of affiliated persons of the Company

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/ID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Date of issue of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
I	Hội đồng quản trị										
1	Bùi Quang Bách		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board					16/03/2023		DHDCD bầu	
1.1	Bùi Viết Quỳnh							16/03/2023			Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Mẫn							16/03/2023			Mẹ đẻ
1.3	Nguyễn Thị Thu Hà							16/03/2023			Vợ
1.4	Bùi Hà Chi							16/03/2023			Con gái
1.5	Bùi Hoàng Nam							16/03/2023			Con trai
1.6	Bùi Quỳnh Vân							16/03/2023			Em gái
1.7	Trương Ngọc Minh							16/03/2023			Em rể
1.8	Nguyễn Thế Phong							16/03/2023			Bố vợ
1.9	Nguyễn Thị Mỹ										Mẹ vợ (đã mất)
1.10	Công ty CP Chứng khoán Quốc gia		TV HĐQT/Board Member					16/03/2023			TV HĐQT

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/CCCD/HC/GCN ĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/CCCD/HC/GCN ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
1.11	CTCP SAM Holdings		TV HĐQT/Board Member					16/03/2023			TV HĐQT độc lập, Kiểm TV UBKTNB
1.12	CTCP Bất động sản Capella		TV HĐQT/Board Member					16/03/2023			TV HĐQT
1.13	CTCP TASCO		TV HĐQT/Board Member					16/03/2023			TV HĐQT
2	Phương Xuân Thụy	052C123363	TV HĐQT/Board Member					16/03/2023		DHDCD bầu	
2.1	Phương Xuân Thịnh							16/03/2023			Bố đẻ
2.2	Nguyễn Thị Lan							16/03/2023			Mẹ đẻ
2.3	Phương Thừa Vũ							16/03/2023			Anh ruột
2.4	Phương Quốc Vĩnh							16/03/2023			Anh ruột
2.5	Lê Thị Như Mai							16/03/2023			Chị dâu
2.6	Phương Minh Huệ							16/03/2023			Chị ruột
2.7	Nguyễn Bá Cảnh							16/03/2023			Anh rể
2.8	Đỗ Thị Ngọc Hà							16/03/2023			Vợ
2.9	Phương Minh Thái							16/03/2023			Con đẻ
2.10	Phương Đỗ Thái Dương							16/03/2023			Con đẻ
2.11	Đỗ Ngọc Dũng							16/03/2023			Bố vợ
2.12	Phạm Thị Huệ							16/03/2023			Mẹ vợ
2.13	Công ty CP Đầu tư Infinity Group		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board					16/03/2023			Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

STT /stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
2.14	CTCP SACOM Tuyền Lâm		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board					16/03/2023			Chủ tịch HĐQT
2.15	CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ		TV HĐQT/Board Member					16/03/2023			TV HĐQT
2.16	CTCP SAM Holdings		TV HĐQT/Board Member					16/03/2023			Phó Chủ tịch HĐQT
2.17	CTCP Công viên nước Đầm Sen		TV HĐQT/Board Member					16/03/2023			TV HĐQT
3	Đỗ Lê Minh		TV HĐQT/Board Member					28/3/2025		DHĐCD bầu	
3.1	Đỗ Văn Bích										Bố đẻ (đã mất)
3.2	Lê Thị Lan							28/03/2025			Mẹ đẻ
3.3	Phương Hữu Việt							28/03/2025			Chồng
3.4	Phương Hồng Minh							28/03/2025			Con ruột
3.5	Phương Quốc Bình							28/03/2025			Còn nhỏ
3.6	Phương Việt Linh							28/03/2025			Còn nhỏ
3.7	Đỗ Minh Ngọc							28/03/2025			Chị ruột
3.8	Phương Xuân Hòa										Bố chồng (đã mất)
3.9	Lương Thị Bến										Mẹ chồng (đã mất)
4	Trần Như Trung		TV, HĐQT kiêm TGD Công ty/Board Member and concurrently General Director of the Company					28/03/2025		DHĐCD bầu	
4.1	Trần Đình Viện							28/03/2025			Bố đẻ

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
4.2	Đặng Hồng Thuyền										Mẹ đẻ (đã mất)
4.3	Trần Bạch Giang							28/03/2025			Bố vợ
4.4	Nguyễn Thị Tinh							28/03/2025			Mẹ Vợ
4.5	Trần Anh Hoa							28/03/2025			Chị gái
4.6	Võ Thanh Quỳnh							28/03/2025			Anh rể
4.7	Trần An Lộc							28/03/2025			Chị gái
4.8	Lê Hồng Quang							28/03/2025			Anh rể
4.9	Trần Như Dũng							28/03/2025			Em trai
4.10	Nguyễn Thị Châu							28/03/2025			Em dâu
4.11	Trần Hồng Việt	105C525511						28/03/2025			Vợ
4.12	Trần Hoàng Nam	1048145						28/03/2025			Em vợ
4.13	Trần Hoàng Khánh Linh							28/03/2025			Con gái
4.14	Trần Việt Anh							28/03/2025			Con trai
5	Nguyễn Việt Cường	058C153366	TV. HDQT kiêm Phó TGD Công ty/Board Member and concurrently Deputy General Director of the Company					28/03/2025		DHDCD bầu	
5.1	Nguyễn Văn Cưu	-						28/03/2025			Bố đẻ
5.2	Nguyễn Thị Húng	-						14/06/2024			Mẹ đẻ
5.3	Trịnh Thanh Hằng	058C566983						14/06/2024			Vợ

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
5.4	Nguyễn Hà Vy	-						14/06/2024			Con gái
5.5	Nguyễn Việt Bách	-						14/06/2024			Con trai
5.6	Nguyễn Kim Cát Tiên							14/06/2024			Con gái
5.7	Nguyễn Thị An Huy							14/06/2024			Chị gái
5.8	Nguyễn Văn Bảo							14/06/2024			Anh rể
5.9	Nguyễn Thị Thanh Hường							14/06/2024			Chị gái
5.10	Lê Minh Anh							14/06/2024			Anh rể
5.11	Nguyễn Đức Quang							14/06/2024			Em trai
5.12	Cao Thị Kim Thành							14/06/2024			Em dâu
5.13	Trịnh Hữu Thêm	-						14/06/2024			Bố vợ
5.14	Nguyễn Thanh Huyền	058C191168						14/06/2024			Mẹ vợ
5.15	CTCP SJ Dịch vụ		Chủ tịch HĐQT					14/06/2024			Chủ tịch HĐQT
5.16	CTCP SUDICO Hòa Bình		TV HĐQT					14/06/2024			TV HĐQT
6	Đỗ Văn Bình	028C115588	PCT HDQT/Vice Chairman of Board of Directors					30/06/2012	28/03/2025	Hết nhiệm kỳ	
6.1	Đỗ Văn Quý										Bố đẻ (đã mất)
6.2	Vũ Thị Chung										Mẹ đẻ (đã mất)
6.3	Lưu Thị Chung							30/06/2012	28/03/2025		Vợ
6.4	Đỗ Bình Dương							30/06/2012	28/03/2025		Con ruột
6.5	Phạm Thị Ngọc Thạch	026C259645						30/06/2012	28/03/2025		Con dâu
6.6	Đỗ Vi Anh							30/06/2012	28/03/2025		Con ruột
6.7	Đỗ Thị Chính										Chị ruột (đã mất)

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/ID card number/ CCCD/ HC/ GCN ĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Date of issue of ID card/ CCCD/ HC/ GCN ĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCN ĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
6.8	Đỗ Văn Nguyên							30/06/2012	28/03/2025		Anh ruột
6.9	Đỗ Văn Thái							30/06/2012	28/03/2025		Anh ruột
6.10	Đỗ Thị Hòa										Chị ruột (đã mất)
6.11	Đỗ Thị Trinh							30/06/2012	28/03/2025		Chị ruột
7	Chu Thị Thu Hương		TV HDQT/Board Member					16/06/2022	28/03/2025	Hết nhiệm kỳ	
7.1	Chu Trí Thức							16/06/2022	28/03/2025		Bố đẻ
7.2	Nguyễn Thị Tứ							16/06/2022	28/03/2025		Mẹ đẻ
7.3	Vũ Ngọc Quỳnh							16/06/2022	28/03/2025		Bố chồng
7.4	Đoàn Anh Thư										Mẹ chồng (đã mất)
7.5	Vũ Minh Trí							16/06/2022	28/03/2025		Chồng
7.6	Vũ Sáng							16/06/2022	28/03/2025		Con ruột
7.7	Vũ Thị Thanh Trúc							16/06/2022	28/03/2025		Con ruột
7.8	Chu Trí Hiền	044C2121951						16/06/2022	28/03/2025		Anh ruột
7.9	Nguyễn Thị Thu Hòa							16/06/2022	28/03/2025		Chị dâu
7.10	Vũ Nguyên Lượng	058C447227						16/06/2022	28/03/2025		Em chồng
7.11	Trần Thị Minh Huyền	058C436048						16/06/2022	28/03/2025		Em dâu
7.12	Vũ Tường Quân							16/06/2022	28/03/2025		Em chồng
7.13	Nguyễn Thị Thanh Quý	009C044342						16/06/2022	28/03/2025		Em dâu
8	Nguyễn Phú Cường	052C123363	TV HDQT/Board Member					26/03/2007	28/03/2025	Hết nhiệm kỳ	
8.1	Nguyễn Đăng Thông							26/03/2007	28/03/2025		Bố đẻ
8.2	Vi Thị Loan	019C-006508						26/03/2007	28/03/2025		Mẹ đẻ
8.3	Phan Thị Thanh Thủy	005C288865						26/03/2007	28/03/2025		Vợ

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Dịa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
8.4	Nguyễn Phan Khánh Linh							26/03/2007	28/03/2025		Con ruột
8.5	Nguyễn Phan Anh							26/03/2007	28/03/2025		Con ruột
8.6	Nguyễn Đăng Kiên							26/03/2007	28/03/2025		Anh ruột
8.7	Nguyễn Hữu Trung	006C005654						26/03/2007	28/03/2025		Em ruột
8.8	Nguyễn Tiến Dũng							26/03/2007	28/03/2025		Em ruột
II	Ban Tổng giám đốc										
1	Trần Như Trung (như mục I)		TGD Công ty/General Director of the Company					13/10/2023		HDQT Bỏ nhiệm	
2	Nguyễn Việt Cường (như mục I)		Phó TGD/Deputy General Director of the Company					14/06/2025		HDQT Bỏ nhiệm	
3	Trần Oanh		Phó TGD/Deputy General Director of the Company					09/01/2023		HDQT Bỏ nhiệm	
3.1	Trần Văn Hoạch							09/01/2023			Bố đẻ
3.2	Nguyễn Thị Thành							09/01/2023			Mẹ đẻ
3.3	Cao Thế Tâm										Bố vợ (đã mất)
3.4	Nguyễn Thị Oanh							09/01/2023			Mẹ Vợ
3.5	Cao Thị Thu Anh							09/01/2023			Vợ
3.6	Trần Tuấn Linh							09/01/2023			Con trai
3.7	Trần Bảo Anh							09/01/2023			Con gái
3.8	Trần Tuấn Minh							09/01/2023			Con trai
3.9	Trần Thị Lan							09/01/2023			Chị gái

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
3.10	Cao Hồng Giang							09/01/2023			Anh rể
3.11	Trần Thị Thanh Huệ							09/01/2023			Em gái
3.12	Nguyễn Tiến Dũng	002C082880 Sân SBC						09/01/2023			Em rể
4	Nguyễn Trần Dũng		Phó TGD/Deputy General Director of the Company					16/11/2018		HDQT Bỏ nhiệm	
4.1	Nguyễn Minh Trí							16/11/2018			Bố đẻ
4.2	Trần Thị Hội										Mẹ đẻ (đã mất)
4.3	Hồ Quang An							16/11/2018			Bố Vợ
4.4	Vũ Thị Hoa							16/11/2018			Mẹ Vợ
4.5	Hồ Thu Hằng							16/11/2018			Vợ
4.6	Nguyễn Hồ Quỳnh Anh							16/11/2018			Con ruột
4.7	Nguyễn Hồ Đức							16/11/2018			Con ruột
4.8	Nguyễn Trần Tuệ							16/11/2018			Anh ruột
4.9	Bùi Thị Thu Thủy							16/11/2018			Chị dâu
4.10	Nguyễn Trung Linh							16/11/2018			Em ruột
5	Nguyễn Công Chính	030C361080	Phó TGD/Deputy General Director of the Company					16/11/2018		HDQT Bỏ nhiệm	
5.1	Nguyễn Văn Ruệ							16/11/2018			Bố đẻ
5.2	Phạm Thị Hoa										Mẹ đẻ (đã mất)
5.3	Tô Đình Khuê							16/11/2018			Bố Vợ
5.4	Hoàng Thị Loan							16/11/2018			Mẹ Vợ

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
5.5	Tô Thị Phương							16/11/2018			Vợ
5.6	Nguyễn Phương Chính							16/11/2018			Con ruột
5.7	Nguyễn Nam Khánh							16/11/2018			Con ruột
5.8	Nguyễn Đức Thiện							16/11/2018			Anh ruột
5.9	Trần Thị Hoài							16/11/2018			Chị dâu
5.10	Nguyễn Thị Thanh Mừng							16/11/2018			Em ruột
5.11	Phạm Quốc Trị							16/11/2018			Em rể
III	Ban kiểm soát										
1	Lê Thị Thùy		Trưởng BKS/Head of Corporate Control Board					16/06/2022		ĐHDCD bầu	
1.1	Lê Đức Tuấn							16/06/2022			Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Lụa							16/06/2022			Mẹ đẻ
1.3	An Đăng Tuyển							16/06/2022			Bố chồng
1.4	Bùi Thị Nhân							16/06/2022			Mẹ chồng
1.5	An Đăng Quyền							16/06/2022			Chồng
1.6	Lê Anh Dũng							16/06/2022			Anh ruột
1.7	Cao Thị Hoàng Lý							16/06/2022			Chị dâu
1.8	An Đăng Quang							16/06/2022			Con ruột
1.9	An Hoàng Quân							16/06/2022			Con ruột

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
2	Trần Thị Thanh Huyền		Thành viên BKS/Member of the company's board of directors					16/06/2022		ĐHDCĐ bầu	
2.1	Trần Văn Toàn							16/06/2022			Bố đẻ
2.2	Nguyễn Thị Thanh							16/06/2022			Mẹ đẻ
2.3	Lê Đình Điền										Bố chồng (đã mất)
2.4	Đinh Thị Nén										Mẹ chồng (đã mất)
2.5	Lê Minh Thắng							16/06/2022			Chồng
2.6	Lê Trần Ngọc Minh							16/06/2022			Con ruột
2.7	Lê Huyền Linh							16/06/2022			Con ruột
2.8	Lê Trần Liên Hoa							16/06/2022			Con ruột
2.9	Trần Thanh Hương	003C126169						16/06/2022			Em ruột
2.10	Phạm Đức Long	003C131416						16/06/2022			Em rể
3	Nguyễn Thu Hiền		Thành viên BKS/Member of the company's					28/03/2025		ĐHDCĐ bầu	
3.1	Nguyễn Đức Chiến							28/03/2025			Bố đẻ
3.2	Nguyễn Thị Huân							28/03/2025			Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Thị Thảo Linh							28/03/2025			Em ruột
3.4	Nguyễn Đức Hùng							28/03/2025			Em ruột

461
 TỶ
 LÂN
 ĐUP
 HẠ N

W

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Dịa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
4	Nguyễn Ngọc Thắng	074C000003	Thành viên BKS/Member of the company's board of directors					30/6/2012	28/3/2025	Hết nhiệm kỳ	
4.1	Nguyễn Viết Dư							30/6/2012	28/03/2025		Bố đẻ
4.2	Đinh Thị Toàn							30/6/2012	28/03/2025		Mẹ đẻ
4.3	Vũ Thanh Hùng										Bố vợ (đã mất)
4.4	Đới Thị Minh Thu							30/6/2012	28/03/2025		Mẹ vợ
4.5	Vũ Hương Giang							30/6/2012	28/03/2025		Vợ
4.6	Nguyễn Vũ Phương Linh							30/6/2012	28/03/2025		Con ruột
4.7	Nguyễn Vũ Hà Phương							30/6/2012	28/03/2025		Con ruột
4.8	Nguyễn Thanh Thủy							30/6/2012	28/03/2025		Em ruột
4.9	Nguyễn Văn Bình							30/6/2012	28/03/2025		Em rể
IV	Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Ban KTNB, Thư ký Công ty										
1	Nguyễn Hải Ninh		Giám đốc Tài chính, Người được ủy quyền CBTT/Chief Financial Officer, Authorized Disclosure Officer					12/06/2023		HDQT Bổ nhiệm	
1.1	Nguyễn Văn Nghiên										Bố đẻ (đã mất)
1.2	Phạm Thị Hiền							12/06/2023			Mẹ đẻ
1.3	Trần Huy Thiện							12/06/2023			Bố vợ

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
1.4	Phạm Thị Hòa							12/06/2023			Mẹ Vợ
1.5	Nguyễn Hải Nam							12/06/2023			Em trai
1.6	Đào Minh Hường							12/06/2023			Em dâu
1.7	Trần Thị Thanh Hiền							12/06/2023			Vợ
1.8	Trần Thị Quỳnh Anh							12/06/2023			Em vợ
1.9	Nguyễn Trần Trung							12/06/2023			Con trai
1.10	Nguyễn Trần Minh Quân										Con trai
2	Trần Việt Dũng	052C105020	Kế toán trưởng/Chief Accountant					02/11/2012		HDQT Bỏ nhiệm	
2.1	Trần Văn Chính							02/11/2012			Bố đẻ
2.2	Nghiêm Đức Hạnh							02/11/2012			Mẹ đẻ
2.3	Trần Chu Thịnh							02/11/2012			Bố vợ
2.4	Nguyễn Thị Minh							02/11/2012			Mẹ vợ
2.5	Trần Hoài Thu							02/11/2012			Vợ
2.6	Trần Nhật Nam							02/11/2012			Con ruột
2.7	Trần Minh Khôi							02/11/2012			Con ruột
2.8	Trần Việt Phương							02/11/2012			Em ruột
2.9	Lý Thái Hà							02/11/2012			Em dâu
3	Nguyễn Minh Sơn	006C009446	Trưởng ban KTNB/Head of Internal Audit					06/10/2022		HDQT Bỏ nhiệm	
3.1	Nguyễn Minh Biếc										Bố đẻ (đã mất)
3.2	Nguyễn Thị Lài										Mẹ đẻ (đã mất)
3.3	Nguyễn Văn Hùng							06/10/2022			Bố vợ
3.4	Bùi Thị Lý							06/10/2022			Mẹ Vợ

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
3.5	Nguyễn Ngọc Hải							06/10/2022			Anh ruột
3.6	Nông Thị Mai							06/10/2022			Chị dâu
3.7	Nguyễn Thị Hòa							06/10/2022			Chị ruột
3.8	Trịnh Đức Vượng							06/10/2022			Anh rể
3.9	Nguyễn Ngọc Thanh										Anh ruột (đã mất)
3.10	Trần Thị Ngoan							06/10/2022			Chị dâu
3.11	Nguyễn Thanh Kỳ							06/10/2022			Anh ruột
3.12	Nguyễn Thị Trang							06/10/2022			Vợ
3.13	Nguyễn Minh Quỳnh Như							06/10/2022			Con ruột
3.14	Nguyễn Quang Vinh							06/10/2022			Con ruột
4	Nguyễn Đăng Vinh		Thư ký, Người PTQT Công ty/Secretary, Corporate Governance Officer					06/03/2025		HDQT Bổ nhiệm	
4.1	Nguyễn Đăng Quyền										Bố đẻ (đã mất)
4.2	Lương Thị Thức										Mẹ đẻ
4.3	Phạm Minh Hải										Vợ
4.4	Nguyễn Đăng Anh										Con ruột
4.5	Nguyễn Đăng Thái Anh										Con ruột
4.6	Nguyễn Đăng Hành										Anh trai
4.7	Phạm Thị Vân										Chị dâu
4.8	Nguyễn Thị Chính										Chị gái
4.9	Phạm Đức Lịch										Anh rể
4.10	Nguyễn Thị Tĩnh										Chị gái
4.11	Đỗ Văn Khách										Anh rể

STT/stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
4.12	Nguyễn Đăng Thông										Anh trai
4.13	Nguyễn Thị Hương										Chị dâu
4.14	Nguyễn Thị Thao										Chị gái
4.15	Bùi Bá Hóa										Anh rể
4.16	Nguyễn Thị Thạo										Chị gái
4.17	Trần Hữu Cường										Anh rể
4.18	Nguyễn Thị Mỹ										Chị gái
4.19	Nguyễn Văn Dương										Anh rể
4.20	Phạm Văn Tông										Bố vợ
4.21	Nguyễn Thị Phương Mai										Mẹ vợ (đã mất)
5	Trần Phụng Dư	009C900737	Thư ký, Người PTQT Công ty/Secretary, Corporate Governance Officer					25/06/2018	06/03/2025	Theo nguyên vọng cá nhân	
5.1	Trần Duẩn							25/06/2018	06/03/2025		Bố đẻ
5.2	Nguyễn Thị Thu							25/06/2018	06/03/2025		Mẹ đẻ
5.3	Phạm Bá Quý							25/06/2018	06/03/2025		Bố vợ
5.4	Phí Thị Kim							25/06/2018	06/03/2025		Mẹ vợ
5.5	Phạm Ngọc Minh							25/06/2018	06/03/2025		Vợ
5.6	Trần Phương Anh							25/06/2018	06/03/2025		Con ruột
5.7	Trần Minh Hoàng							25/06/2018	06/03/2025		Con ruột
5.8	Trần Ruby Phụng							25/06/2018	06/03/2025		Con ruột
5.9	Trần Kim Dung							25/06/2018	06/03/2025		Chị ruột
5.10	Trần Mai Duyên							25/06/2018	06/03/2025		Em ruột
5.11	Đỗ Thế Hưng							25/06/2018	06/03/2025		Em rể

STT /stat us	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned	Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant	Lý do/Reason	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders
5.12	Trần Minh Thương							25/06/2018	06/03/2025		Em ruột
5.13	Nguyễn Hương Thảo							25/06/2018	06/03/2025		Em dâu

SICP



CÔNG TY CỔ PHẦN SJ GROUP/SJ GROUP JOINT STOCK COMPANY

PHỤ LỤC VII.2/APPENDIX VII.2

DANH SÁCH VỀ NCLQ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ GIAO DỊCH CỦA NCLQ CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY/LIST OF RELATED PERSONS OF PUBLIC COMPANY AND TRANSACTIONS OF RELATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY ITSELF

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NCLQ CỦA CÔNG TY/GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NCLQ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS RELATED PERSONS/BETWEEN THE COMPANY AND MAJOR SHAREHOLDERS, INSIDERS, AND RELATED PERSONS OF INSIDERS

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)

STT/St atus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/indi vidual	Mối quan hệ liên quan với công ty/Relationship with the company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCND KDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/G CNĐKDN/Pl ace of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có ghi rõ ngày ban hành)/Resolution/Decision number approved by the General Meeting of Shareholders/Board of Directors (if any, clearly state the date of issuance)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/Content, quantity, total transaction value	Ghi chú/Note

Ghi chú/Note: Không có số liệu phát sinh/No data generated

W



CÔNG TY CỔ PHẦN SJ GROUP/SJ GROUP JOINT STOCK COMPANY

PHỤ LỤC VII.3/APPENDIX VII.3

DANH SÁCH VỀ NCLQ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ GIAO DỊCH CỦA NCLQ CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY/LIST OF RELATED PERSONS OF PUBLIC COMPANY AND TRANSACTIONS OF RELATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY ITSELF

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NCLQ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NÀM QUYỀN KIỂM SOÁT/TRANSACTIONS BETWEEN INSIDERS, RELATED PERSONS OF INSIDERS AND SUBSIDIARIES, COMPANIES CONTROLLED BY THE COMPANY

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)

STT/Status	Người thực hiện giao dịch/The person who makes the transaction	Quan hệ với người nội bộ/Insider Relations	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Tên công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát/Name of subsidiary, Company controlled by the listed Company	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/Content, quantity, total transaction value	Ghi chú/Note

Ghi chú/Note: Không có số liệu phát sinh/No data generated

W2

PHỤ LỤC VIII.1/APPENDIX VIII.1

DANH SÁCH VỀ NCLQ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ GIAO DỊCH CỦA NCLQ CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY/LIST OF RELATED PERSONS OF PUBLIC COMPANY AND TRANSACTIONS OF RELATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY ITSELF

Danh sách NNB và NCLQ của NNB/The list of internal persons and their affiliated persons/Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNDKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNDKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNDKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Hội đồng quản trị									
1	Bùi Quang Bách		Chủ tịch HDQT/Chairman of the Board	001076004038	19/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	
1.1	Bùi Viết Quỳnh			025046000122	19/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội			Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Mẫn			035147001416	08/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội			Mẹ đẻ
1.3	Nguyễn Thị Thu Hà			001176030312	16/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội			Vợ
1.4	Bùi Hà Chi			001305019702	19/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội			Con gái
1.5	Bùi Hoàng Nam			001208066668	10/04/2022	Cục Cảnh sát	Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội			Con trai
1.6	Bùi Quỳnh Vân			001180004383	10/05/2021	Cục Cảnh sát	Số 30, Ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội			Em gái
1.7	Trương Ngọc Minh			001080030414	16/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 30, Ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội			Em rể
1.8	Nguyễn Thế Phong			033049000479	10/02/2023	Cục Cảnh sát	Số 3, Tổ 6, phường Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội			Bố vợ
1.9	Nguyễn Thị Mây									Mẹ vợ (đã mất)
1.10	CTCP Chứng khoán Quốc gia		TV HDQT/Board Member	Giấy phép HKKD số 27/UBCK-GPHDKD	15/12/2006	UBCKNN	Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, Số 105 Chu Văn An, Yên Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	513,000	0.45%	TV HDQT



STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
1.11	CTCP SAM Holdings		TV HĐQT/Board Member	ĐKKD số 3600253537	30/03/1998	Sở KH&ĐT TPHCM	127 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM			TV HĐQT độc lập, Kiêm TV UBKTNB
1.12	CTCP Bất động sản Capella		TV HĐQT/Board Member	0106840552	06/05/2015	Sở KH&ĐT Hà Nội	Tầng 6, Tòa nhà Samsora Premier, Số 105 Chu Văn An, Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội			TV HĐQT
1.13	CTCP TASCO		TV HĐQT/Board Member	600264117	26/12/2007	Sở KH&ĐT Hà Nội	Tòa nhà Tasco, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội			TV HĐQT
2	Phương Xuân Thụy	052C123363	TV HĐQT/Board Member	027077000245	31/03/2022	Cục Cảnh sát	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội	0	0%	
2.1	Phương Xuân Thịnh			012837464		CA Hà Nội	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội			Bố đẻ
2.2	Nguyễn Thị Lan			027049000080	26/10/2016	CA Bắc Ninh	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội			Mẹ đẻ
2.3	Phương Thừa Vũ			012425915	16/04/2001	CA Hà Nội	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội			Anh ruột
2.4	Phương Quốc Vĩnh			012476196	09/01/2007	CA Hà Nội	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội			Anh ruột
2.5	Lê Thị Như Mai			125006204	30/06/2015	CA Bắc Ninh	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội			Chị dâu
2.6	Phương Minh Huệ			012400442	12/03/2012	CA Hà Nội	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội			Chị ruột
2.7	Nguyễn Bá Cảnh			012476173	24/09/2001	CA Hà Nội	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội			Anh rể
2.8	Đỗ Thị Ngọc Hà			024177001233	08/04/2021	Cục Cảnh sát	24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội			Vợ
2.9	Phương Minh Thái						24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội			Con đẻ
2.10	Phương Đỗ Thái Dương						24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội			Con đẻ
2.11	Đỗ Ngọc Dũng			125494505	16/12/2008	CA Bắc Ninh	Kim Động, TT Thứa, Lương Tài, Bắc Ninh			Bố vợ
2.12	Phạm Thị Huệ			125476512	10/04/2009	CA Bắc Ninh	Kim Động, TT Thứa, Lương Tài, Bắc Ninh			Mẹ vợ
2.13	Công ty CP Đầu tư Infinity Group		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board	0107645709	25/11/2016	Sở KH&ĐT Hà Nội	Tầng 6 toà nhà Samsora Premier số 105 đường Chu Văn An, phường Yết Kiêu, Hà Đông, TP Hà Nội			Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
2.14	CTCP SACOM Tuyền Lâm		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board	5800855363	13/07/2016	Sở KH&ĐT Lâm Đồng	Khu chức năng số 7 và 8, khu DL Hồ Tuyền Lâm, phường 3, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng			Chủ tịch HĐQT
2.15	CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ		TV HĐQT/Board Member	0301074118	21/07/2006	Sở KH&ĐT TPHCM	15 đường số 2, Cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, TP Hồ Chí Minh			TV HĐQT

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
2.16	CTCP SAM Holdings		TV HĐQT/Board Member	3600253537	30/03/1998	Sở KH&ĐT TPHCM	152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh			Phó Chủ tịch HĐQT
2.17	CTCP Công viên nước Đầm Sen		TV HĐQT/Board Member	4103001384	13/02/2003	Sở KH&ĐT TPHCM	03 Hoà Bình, Phường 3, Quận 11, TP.HCM			TV HĐQT
3	Đỗ Lê Minh		TV HĐQT/Board Member	001186009285	06/03/2023	Cục Cảnh sát	72D, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0	0%	
3.1	Đỗ Văn Bích									Bố đẻ (đã mất)
3.2	Lê Thị Lan			001155033183	24/06/2021	Cục Cảnh sát	72D Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội			Mẹ đẻ
3.3	Phương Hữu Việt			027064000264	31/12/2024	Cục Cảnh sát	72D Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội			Chồng
3.4	Phương Hồng Minh			001306036733	04/06/2023	Cục Cảnh sát	72D Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội			Con ruột
3.5	Phương Quốc Bình									Còn nhỏ
3.6	Phương Việt Linh									Còn nhỏ
3.7	Đỗ Minh Ngọc			001180021979	10/10/2024	Cục Cảnh sát	Số 49 ngõ 193 Trung Kính, Tổ 32 Yên Hòa, Cầu Giấy			Chị ruột
3.8	Phương Xuân Hòa									Bố chồng (đã mất)
3.9	Lương Thị Bền									Mẹ chồng (đã mất)
4	Trần Như Trung		TV. HĐQT kiêm TGD Công ty/Board Member and concurrently General Director of the Company	004071006732	02/05/2021	Cục Cảnh sát	P207, G6, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	
4.1	Trần Đình Viện			040036000226	10/04/2021	Cục cảnh sát	6 Dãy N7 90 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội			Bố đẻ
4.2	Đặng Hồng Thuý									Mẹ đẻ (đã mất)
4.3	Trần Bạch Giang			042049000186	05/08/2022	Cục cảnh sát	P12A11 nhà 18T1, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.			Bố vợ
4.4	Nguyễn Thị Tính			001148011623	02/05/2021	Cục cảnh sát	P12A11 nhà 18T1, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.			Mẹ Vợ
4.5	Trần Anh Hoa			040164000356	27/03/2019	Cục cảnh sát	12/41 - Bùi Xương Trạch, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội			Chị gái

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
4.6	Võ Thanh Quỳnh			040059000551	10/07/2021	Cục cảnh sát	12/41 - Bùi Xương Trạch, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội			Anh rể
4.7	Trần An Lộc			BD3461765	26/05/2020	Slovakia	Slovakia			Chị gái
4.8	Lê Hồng Quang			BA0434744	19/08/2015	Slovakia	Slovakia			Anh rể
4.9	Trần Như Dũng			040076000071	10/04/2021	Cục cảnh sát	6 Dãy N7 90 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội			Em trai
4.10	Nguyễn Thị Châu			040187002306	10/04/2021	Cục cảnh sát	6 Dãy N7 90 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội			Em dâu
4.11	Trần Hồng Việt	105C525511		001174004049	17/04/2015	Cục cảnh sát	1/140 Khuất Duy Tiên, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội			Vợ
4.12	Trần Hoàng Nam	1048145		001083007276	24/08/2022	Cục cảnh sát	P12A11 nhà 18T1 kdt Trung hoà Nhân Chính - phường Nhân Chính - Thanh Xuân, Hà Nội.			Em vợ
4.13	Trần Hoàng Khánh Linh			001306055764	22/11/2021	Cục cảnh sát	1/140 Khuất Duy Tiên, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội			Con gái
4.14	Trần Việt Anh			001201013989	08/04/2016	Cục cảnh sát	1/140 Khuất Duy Tiên, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội			Con trai
5	Nguyễn Việt Cường	058C153366	TV. HĐQT kiêm Phó TGD Công ty/Board Member and concurrently Deputy General Director of the Company	026077004285	19/05/2023	Cục Cảnh sát	TT3-03 KĐT mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội.	0	0%	
5.1	Nguyễn Văn Cưu	-		026044000626	24/06/2021	Cục Cảnh sát	Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc			Bố đẻ
5.2	Nguyễn Thị Húng	-		026145001062	24/06/2021	Cục cảnh sát	Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc			Mẹ đẻ
5.3	Trịnh Thanh Hằng	058C566983		001185042305	24/08/2002	Cục cảnh sát	TT3-03 Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.			Vợ
5.4	Nguyễn Hà Vy	-		001305001052	13/05/2021	Cục cảnh sát	Số 10 đường Thanh Niên, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội			Con gái
5.5	Nguyễn Việt Bách	-		001208062555	24/08/2022	Cục cảnh sát	TT3-03 Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.			Con trai
5.6	Nguyễn Kim Cát Tiên						TT3-03 Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.			Con gái
5.7	Nguyễn Thị An Huy						Cộng hòa Liên bang Đức			Chị gái

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
5.8	Nguyễn Văn Bảo						Cộng hòa Liên bang Đức			Anh rể
5.9	Nguyễn Thị Thanh Hương			026173000804	19/08/2021	Cục cảnh sát	Phố Chùa Hà, Định Trung, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc			Chị gái
5.10	Lê Minh Anh			001064032037	11/07/2022	Cục cảnh sát	Phố Chùa Hà, Định Trung, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc			Anh rể
5.11	Nguyễn Đức Quang			026080005427	04/05/2021	Cục cảnh sát	Phố Chùa Hà, Định Trung, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc			Em trai
5.12	Cao Thị Kim Thành			026187004379	25/08/2021	Cục cảnh sát	Phố Chùa Hà, Định Trung, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc			Em dâu
5.13	Trịnh Hữu Thêm	-		001059032000	10/07/2021	Cục cảnh sát	Số 18, ngõ 26 Phố Kim Hoa, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội			Bố vợ
5.14	Nguyễn Thanh Huyền	058C191168		001168017365	29/07/2021	Cục cảnh sát	Số 18, ngõ 26 Phố Kim Hoa, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội			Mẹ vợ
5.15	CTCP SJ Dịch vụ		Chủ tịch HĐQT	0103018998	10/08/2007	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng M3, Tòa nhà CT1, KĐT Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội			Chủ tịch HĐQT
5.16	CTCP SUDICO Hòa Bình		TV HĐQT	5400352196	25/09/2010	Sở KH&ĐT tỉnh Hòa Bình	Khu đất DV1-2, Khu dân cư Bắc Trần Hưng Đạo, ngõ 323 đường Trần Hưng Đạo, Hòa Bình			TV HĐQT
II	Ban Tổng giám đốc									
1	Trần Như Trung (như mục I)		TGD Công ty/General Director of the Company							
2	Nguyễn Việt Cường (như mục I)		Phó TGD/Deputy General Director of the Company							
3	Trần Oanh		Phó TGD/Deputy General Director of the Company	001077022177	25/02/2019	Cục Cảnh sát	Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	
3.1	Trần Văn Hoạch			036049002184	01/03/2022	Cục Cảnh sát	Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội			Bố đẻ
3.2	Nguyễn Thị Thành			001151008132	09/04/2021	Cục Cảnh sát	Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội			Mẹ đẻ
3.3	Cao Thế Tâm									Bố vợ (đã mất)

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
3.4	Nguyễn Thị Oanh			001150010024	23/03/2021	Cục Cảnh sát	Số 12, Dãy H5, Khu tập thể Bà Triệu, Hà Đông, Hà nội			Mẹ Vợ
3.5	Cao Thị Thu Anh			001177017084	30/03/2018	Cục Cảnh sát	Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội			Vợ
3.6	Trần Tuấn Linh			001206021522	09/04/2021	Cục Cảnh sát	Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội			Con trai
3.7	Trần Bảo Anh						Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội			Con gái
3.8	Trần Tuấn Minh						Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội			Con trai
3.9	Trần Thị Lan			001174037277	10/07/2021	CA Hà Nội	P7 nhà 4C khu TT Nam Đồng - P. Nam Đồng - Đống Đa, Hà Nội			Chị gái
3.10	Cao Hồng Giang			001063042037	10/07/2021	CA Hà Nội	P7 nhà 4C khu TT Nam Đồng - P. Nam Đồng - Đống Đa, Hà Nội			Anh rể
3.11	Trần Thị Thanh Huệ			001181032281	25/04/2021	CA Hà Nội	Tổ 19, cụm 3, Phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà nội			Em gái
3.12	Nguyễn Tiến Dũng	002C082880 Sân SBC		001076031002	25/04/2021	CA Hà Nội	Tổ 19, cụm 3, Phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà nội			Em rể
4	Nguyễn Trần Dũng		Phó TGD/Deputy General Director of the Company	001071017967	26/06/2018	Cục Cảnh sát	82B Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội	0	0%	
4.1	Nguyễn Minh Trí			001045005245	19/08/2021	Cục Cảnh sát	P212D, khu ba tầng, đường Lê Hồng Phong, P. Nguyễn Trãi, Hà Đông, HN			Bố đẻ
4.2	Trần Thị Hội									Mẹ đẻ (đã mất)
4.3	Hồ Quang An			001055000003	17/07/2019	Cục Cảnh sát	172 ngõ chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, HN			Bố Vợ
4.4	Vũ Thị Hoa			001156009790	23/05/2018	Cục Cảnh sát	172 ngõ chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, HN			Mẹ Vợ
4.5	Hồ Thu Hằng			001177048176	22/11/2021	Cục Cảnh sát	82B, Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội			Vợ
4.6	Nguyễn Hồ Quỳnh Anh			001303026221	10/07/2022	Cục Cảnh sát	82B, Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội			Con ruột
4.7	Nguyễn Hồ Đức			001206000039	06/07/2022	Cục Cảnh sát	82B, Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội			Con ruột
4.8	Nguyễn Trần Tuệ			001068022800	08/04/2921	Cục Cảnh sát	P2901 CT4B Khu nhà ở Xala, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội			Anh ruột
4.9	Bùi Thị Thu Thủy			037186007169	08/04/2021	Cục Cảnh sát	P2901 CT4B Khu nhà ở Xala, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội			Chị dâu

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
4.10	Nguyễn Trung Linh			001089032283	27/04/2021	Cục Cảnh sát	P212D, khu ba tầng, đường Lê Hồng Phong, P. Nguyễn Trãi, Hà Đông, HN			Em ruột
5	Nguyễn Công Chính	030C361080	Phó TGD/Deputy General Director of the Company	013579109	19/07/2012	CA Hà Nội	Tổ dân phố Phú Hà, phường Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	52	0.0000%	
5.1	Nguyễn Văn Ruệ			034054019002	24/06/2021	Cục Cảnh sát	Lưu Phương, xã Tây Phong, Tiền Hải, Thái Bình			Bố đẻ
5.2	Phạm Thị Hoa									Mẹ đẻ (đã mất)
5.3	Tô Đình Khuê			034056005904	22/09/2020	CA Hà Nội	Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Bố Vợ
5.4	Hoàng Thị Loan			034159002459	10/09/2019	CA Hà Nội	Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Mẹ Vợ
5.5	Tô Thị Phương			034179002288	29/04/2021	Cục Cảnh sát	Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Vợ
5.6	Nguyễn Phương Chinh			001305005023	13/11/2021	Cục Cảnh sát	Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Con ruột
5.7	Nguyễn Nam Khánh						Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Con ruột
5.8	Nguyễn Đức Thiện			034078009723	10/05/2020	CA Thái Bình	Lưu Phương, Tây Phong, Tiền Hải, Thái Bình			Anh ruột
5.9	Trần Thị Hoài			034179002605	20/01/2016	CA Thái Bình	Lưu Phương, Tây Phong, Tiền Hải, Thái Bình			Chị dâu
5.10	Nguyễn Thị Thanh Mừng			034186016131	05/10/2021	Cục Cảnh sát	TDP 3, Miêu Nha, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Em ruột
5.11	Phạm Quốc Trị			034086008726	26/04/2018	CA Hà Nội	TDP 3, Miêu Nha, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Em rể
III	Ban kiểm soát									
1	Lê Thị Thùy		Trưởng BKS/Head of Corporate Control Board	030180008871	15/04/2021	Cục cảnh sát	TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	
1.1	Lê Đức Tuấn			140221452	27/08/2012	CA Hải Dương	Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương			Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Lụa			140221664	15/12/2007	CA Hải Dương	Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương			Mẹ đẻ
1.3	An Đăng Tuyển			030052001044	09/05/2017	Cục Cảnh sát	Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, Hải Dương			Bố chồng
1.4	Bùi Thị Nhân			030077008127	17/05/2021	Cục Cảnh sát	Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, Hải Dương			Mẹ chồng
1.5	An Đăng Quyền			030077008127	06/03/2021	Cục Cảnh sát	TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội			Chồng
1.6	Lê Anh Dũng			030078002204	26/10/2016	Cục Cảnh sát	Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương			Anh ruột

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
1.7	Cao Thị Hoàng Lý			C3583865	07/06/2017	Cục XNC	Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương			Chị dâu
1.8	An Đăng Quang			030205000482	05/07/2022	Cục Cảnh sát	TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội			Con ruột
1.9	An Hoàng Quân						TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội			Con ruột
2	Trần Thị Thanh Huyền		Thành viên BKS/Member of the company's board of directors	001176041339	20/11/2021	Cục cảnh sát	Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, phường Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	0	0%	
2.1	Trần Văn Toàn			008050000041	04/06/2020	Cục Cảnh sát	26 ngõ 344, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội			Bố đẻ
2.2	Nguyễn Thị Thanh			038150005817	04/06/2020	Cục Cảnh sát	26 ngõ 344, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội			Mẹ đẻ
2.3	Lê Đình Diễm									Bố chồng (đã mất)
2.4	Đinh Thị Nén									Mẹ chồng (đã mất)
2.5	Lê Minh Thắng			011958537	03/08/2010	CA Hà Nội	Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội			Chồng
2.6	Lê Trần Ngọc Minh			001201002389	06/08/2015	Cục Cảnh sát	Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội			Con ruột
2.7	Lê Huyền Linh			001305002501	19/07/2019	Cục Cảnh sát	Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội			Con ruột
2.8	Lê Trần Liên Hoa						Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội			Con ruột
2.9	Trần Thanh Hương	003C126169		001179000281	08/02/2013	Cục Cảnh sát	P110 nhà E khu tập thể T36 Bộ Công An, ngõ 173 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà nội			Em ruột
2.10	Phạm Đức Long	003C131416		022077001943	23/11/2017	Cục Cảnh sát	P110 nhà E khu tập thể T36 Bộ Công An, ngõ 173 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà nội			Em rể
3	Nguyễn Thu Hiền		Thành viên BKS/Member of the company's board of directors	030195010125	25/8/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương	0	0%	

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
3.1	Nguyễn Đức Chiến			030070022974	24/02/2022	Cục Cảnh sát	Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương			Bố đẻ
3.2	Nguyễn Thị Huân			030175002845	25/08/2021	Cục Cảnh sát	Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương			Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Thị Thảo Linh			030302002210	14/08/2021	Cục Cảnh sát	Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương			Em ruột
3.4	Nguyễn Đức Hùng			030291709006	14/04/2023	Cục Cảnh sát	Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương			Em ruột
IV	Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Ban KTNB, Thư ký Công ty									
1	Nguyễn Hải Ninh		Giám đốc Tài chính, Người được ủy quyền CBTT/Chief Financial Officer, Authorized Disclosure Officer	004073007746	07/08/2022	Cục Cảnh sát	Số 35, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0	0%	
1.1	Nguyễn Văn Nghiên									Bố đẻ (đã mất)
1.2	Phạm Thị Hiền			011813084	20/04/2014	CA Hà Nội	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội			Mẹ đẻ
1.3	Trần Huy Thiện			001042005036	16/04/2021	Cục Cảnh sát	Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội			Bố vợ
1.4	Phạm Thị Hòa			001148002338	04/05/2021	Cục Cảnh sát	Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội			Mẹ Vợ
1.5	Nguyễn Hải Nam			001087002491	22/05/2021	Cục Cảnh sát	Tổ 20, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội			Em trai
1.6	Đào Minh Hường			001196004695	11/04/2021	Cục Cảnh sát	Tổ 20, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội			Em dâu
1.7	Trần Thị Thanh Hiền			001175000421	22/11/2021	Cục Cảnh sát	Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội			Vợ
1.8	Trần Thị Quỳnh Anh			001187002693	02/05/2021	Cục Cảnh sát	Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội			Em vợ
1.9	Nguyễn Trần Trung			001099008410	15/07/2015	Cục Cảnh sát	Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội			Con trai
1.10	Nguyễn Trần Minh Quân			001203002988	01/05/2021	Cục Cảnh sát	Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội			Con trai
2	Trần Việt Dũng	052C105020	Kế toán trưởng/Chief Accountant	001081003926	25/7/2021	Cục Cảnh sát	06 Lê Thánh Tông, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	3,912	0.003%	
2.1	Trần Văn Chính			037051000717	27/05/2019	Cục Cảnh sát	Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN			Bố đẻ

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
2.2	Nghiêm Đức Hạnh			019152000126	27/05/2019	Cục Cảnh sát	Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN			Mẹ đẻ
2.3	Trần Chu Thịnh			011402196	28/05/2011	CA Hà Nội	Nhà N13 tổ 8 Dịch Vọng, Cầu Giấy Hà Nội			Bố vợ
2.4	Nguyễn Thị Minh			001164007937	13/09/2016	Cục Cảnh sát	Nhà N13 tổ 8 Dịch Vọng, Cầu Giấy Hà Nội			Mẹ vợ
2.5	Trần Hoài Thu			001186038719	24/04/2021	Cục Cảnh sát	29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội			Vợ
2.6	Trần Nhật Nam						29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội			Con ruột
2.7	Trần Minh Khôi						29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội			Con ruột
2.8	Trần Việt Phương			001086014154	09/07/2016	Hà Nội	Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN			Em ruột
2.9	Lý Thái Hà			001188011413	03/03/2017	Cục Cảnh sát	Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN			Em dâu
3	Nguyễn Minh Sơn	006C009446	Trưởng ban KTNB/Head of Internal Audit	017075000068	22/11/2021	Cục Cảnh sát	P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	0	0%	
3.1	Nguyễn Minh Biếc									Bố đẻ (đã mất)
3.2	Nguyễn Thị Lại									Mẹ đẻ (đã mất)
3.3	Nguyễn Văn Hùng			113295478	12/07/2007	CA Hòa Bình	Xóm 1, Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội			Bố vợ
3.4	Bùi Thị Lý						Xóm 1, Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội			Mẹ Vợ
3.5	Nguyễn Ngọc Hải			012281284	26/02/2001	CA Hà Nội	SN 113, H3, TXN, T.Xuân, Hà Nội			Anh ruột
3.6	Nông Thị Mai			011490190	26/02/2001	CA Hà Nội	SN 113, H3, TXN, T.Xuân, Hà Nội			Chị dâu
3.7	Nguyễn Thị Hòa						Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình			Chị ruột
3.8	Trịnh Đức Vượng						Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình			Anh rể
3.9	Nguyễn Ngọc Thanh									Anh ruột (đã mất)
3.10	Trần Thị Ngoan						Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình			Chị dâu
3.11	Nguyễn Thanh Kỳ						Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình			Anh ruột
3.12	Nguyễn Thị Trang			001184012220	25/02/2016	Cục Cảnh sát	P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội			Vợ
3.13	Nguyễn Minh Quỳnh Như						P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội			Con ruột

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
3.14	Nguyễn Quang Vinh						P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội			Con ruột
4	Nguyễn Đăng Vinh		Thư ký, Người PTQT Công ty/Secretary, Corporate Governance Officer	027076012742	25/6/2024	Cục cảnh sát	Chung cư One18, ngõ 298 Ngọc lâm, Long Biên, Hà Nội	0	0%	
4.1	Nguyễn Đăng Quyền									Bố đẻ (đã mất)
4.2	Lương Thị Thức			027134001523	20/06/2021	Cục cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh			Mẹ đẻ
4.3	Phạm Minh Hải			001176017416	04/04/2021	Cục cảnh sát	Tổ 15, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội			Vợ
4.4	Nguyễn Đăng Anh			001203005483	27/04/2021	Cục cảnh sát	Tổ 15, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội			Con ruột
4.5	Nguyễn Đăng Thái Anh			001209000998	08/12/2023	Cục Cảnh sát	Tổ 15, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội			Con ruột
4.6	Nguyễn Đăng Hành			027055004662	04/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh			Anh trai
4.7	Phạm Thị Vân			027161005069	09/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh			Chị dâu
4.8	Nguyễn Thị Chính			027157004782	25/06/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh			Chị gái
4.9	Phạm Đức Lịch			027058005089	28/06/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh			Anh rể
4.10	Nguyễn Thị Tính			027162004833	04/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh			Chị gái
4.11	Đỗ Văn Khách			027060007892	04/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh			Anh rể
4.12	Nguyễn Đăng Thông			027065000284	26/10/2022	Cục Cảnh sát	116/14 Huỳnh Văn Nghệ, Phường 15, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh			Anh trai
4.13	Nguyễn Thị Hương					Cục Cảnh sát	116/14 Huỳnh Văn Nghệ, Phường 15, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh			Chị dâu
4.14	Nguyễn Thị Thao			027168009640	12/08/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Đạo Sử, Lương Tài, Bắc Ninh			Chị gái
4.15	Bùi Bá Hóa			027063009719	12/08/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Đạo Sử, Lương Tài, Bắc Ninh			Anh rể
4.16	Nguyễn Thị Thao			027171007680	10/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh			Chị gái

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
4.17	Trần Hữu Cường			027064008066	15/10/2024	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh			Anh rể
4.18	Nguyễn Thị Mây			027174010176	10/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh			Chị gái
4.19	Nguyễn Văn Dương			027070006674	10/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh			Anh rể
4.20	Phạm Văn Tông			001052006238	04/05/2021	Cục Cảnh sát	Thôn Xuân Dục, Gia Lâm, Hà Nội			Bố vợ
4.21	Nguyễn Thị Phương Mai					Cục Cảnh sát	Thôn Xuân Dục, Gia Lâm, Hà Nội			Mẹ vợ (đã mất)

CÔNG TY CỔ PHẦN SJ GROUP/SJ GROUP JOINT STOCK COMPANY

PHỤ LỤC VIII.1/APPENDIX VIII.1

DANH SÁCH VỀ NCLQ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ GIAO DỊCH CỦA NCLQ CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY/LIST OF RELATED PERSONS OF PUBLIC COMPANY AND TRANSACTIONS OF RELATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY ITSELF

Danh sách NNB và NCLQ của NNB/The list of internal persons and their affiliated persons/Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Hội đồng quản trị									
1	Bùi Quang Bách		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board					0	0%	
1.1	Bùi Viết Quỳnh									Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Mẫn									Mẹ đẻ
1.3	Nguyễn Thị Thu Hà									Vợ
1.4	Bùi Hà Chi									Con gái
1.5	Bùi Hoàng Nam									Con trai
1.6	Bùi Quỳnh Vân									Em gái
1.7	Trương Ngọc Minh									Em rể
1.8	Nguyễn Thế Phong									Bố vợ
1.9	Nguyễn Thị Mỹ									Mẹ vợ (đã mất)
1.10	CTCP Chứng khoán Quốc gia		TV HĐQT/Board Member					513,000	0.45%	TV HĐQT
1.11	CTCP SAM Holdings		TV HĐQT/Board Member							TV HĐQT độc lập, Kiêm TV UBKTNB
1.12	CTCP Bất động sản Capella		TV HĐQT/Board Member							TV HĐQT
1.13	CTCP TASCO		TV HĐQT/Board Member							TV HĐQT

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
2	Phương Xuân Thụy	052C123363	TV HĐQT/Board Member					0	0%	
2.1	Phương Xuân Thịnh									Bố đẻ
2.2	Nguyễn Thị Lan									Mẹ đẻ
2.3	Phương Thừa Vũ									Anh ruột
2.4	Phương Quốc Vĩnh									Anh ruột
2.5	Lê Thị Như Mai									Chị dâu
2.6	Phương Minh Huệ									Chị ruột
2.7	Nguyễn Bá Cảnh									Anh rể
2.8	Đỗ Thị Ngọc Hà									Vợ
2.9	Phương Minh Thái									Con đẻ
2.10	Phương Đỗ Thái Dương									Con đẻ
2.11	Đỗ Ngọc Dũng									Bố vợ
2.12	Phạm Thị Huệ									Mẹ vợ
2.13	Công ty CP Đầu tư Infinity Group		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board							Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
2.14	CTCP SACOM Tuyền Lâm		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board							Chủ tịch HĐQT
2.15	CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ									TV HĐQT
2.16	CTCP SAM Holdings									Phó Chủ tịch HĐQT
2.17	CTCP Công viên nước Dầm Sen									TV HĐQT
3	Đỗ Lê Minh		TV HĐQT/Board Member					0	0%	
3.1	Đỗ Văn Bích									Bố đẻ (đã mất)
3.2	Lê Thị Lan									Mẹ đẻ



STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
3.3	Phương Hữu Việt									Chồng
3.4	Phương Hồng Minh									Con ruột
3.5	Phương Quốc Bình									Còn nhỏ
3.6	Phương Việt Linh									Còn nhỏ
3.7	Đỗ Minh Ngọc									Chị ruột
3.8	Phương Xuân Hòa									Bố chồng (đã mất)
3.9	Lương Thị Bến									Mẹ chồng (đã mất)
4	Trần Như Trung		TV. HĐQT kiêm TGD Công ty/Board Member and concurrently General Director of the Company					0	0%	
4.1	Trần Đình Việ									Bố đẻ
4.2	Đặng Hồng Thuyền									Mẹ đẻ (đã mất)
4.3	Trần Bạch Giang									Bố vợ
4.4	Nguyễn Thị Tính									Mẹ Vợ
4.5	Trần Anh Hoa									Chị gái
4.6	Võ Thanh Quỳnh									Anh rể
4.7	Trần An Lộc									Chị gái
4.8	Lê Hồng Quang									Anh rể
4.9	Trần Như Dũng									Em trai
4.10	Nguyễn Thị Châu									Em dâu
4.11	Trần Hồng Việt	105C525511								Vợ
4.12	Trần Hoàng Nam	1048145								Em vợ
4.13	Trần Hoàng Khánh Linh									Con gái

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
4.14	Trần Việt Anh									Con trai
5	Nguyễn Việt Cường	058C153366	TV. HĐQT kiêm Phó TGD Công ty/Board Member and concurrently Deputy General Director of the Company					0	0%	
5.1	Nguyễn Văn Cưu	-								Bố đẻ
5.2	Nguyễn Thị Húng	-								Mẹ đẻ
5.3	Trịnh Thanh Hằng	058C566983								Vợ
5.4	Nguyễn Hà Vy	-								Con gái
5.5	Nguyễn Việt Bách	-								Con trai
5.6	Nguyễn Kim Cát Tiên									Con gái
5.7	Nguyễn Thị An Huy									Chị gái
5.8	Nguyễn Văn Bảo									Anh rể
5.9	Nguyễn Thị Thanh Hường									Chị gái
5.10	Lê Minh Anh									Anh rể
5.11	Nguyễn Đức Quang									Em trai
5.12	Cao Thị Kim Thành									Em dâu
5.13	Trịnh Hữu Thêm	-								Bố vợ
5.14	Nguyễn Thanh Huyền	058C191168								Mẹ vợ
5.15	CTCP SJ Dịch vụ		Chủ tịch HĐQT							Chủ tịch HĐQT
5.16	CTCP SUDICO Hòa Bình		TV HĐQT							TV HĐQT
II	Ban Tổng giám đốc									
1	Trần Như Trung (như mục I)		TGD Công ty/General Director of the Company							

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
2	Nguyễn Việt Cường (như mục I)		Phó TGD/Deputy General Director of the Company							
3	Trần Oanh		Phó TGD/Deputy General Director of the Company					0	0%	
3.1	Trần Văn Hoạch									Bố đẻ
3.2	Nguyễn Thị Thành									Mẹ đẻ
3.3	Cao Thế Tâm									Bố vợ (đã mất)
3.4	Nguyễn Thị Oanh									Mẹ Vợ
3.5	Cao Thị Thu Anh									Vợ
3.6	Trần Tuấn Linh									Con trai
3.7	Trần Bảo Anh									Con gái
3.8	Trần Tuấn Minh									Con trai
3.9	Trần Thị Lan									Chị gái
3.10	Cao Hồng Giang									Anh rể
3.11	Trần Thị Thanh Huệ									Em gái
3.12	Nguyễn Tiến Dũng	002C082880 Sân SBC								Em rể
4	Nguyễn Trần Dũng		Phó TGD/Deputy General Director of the Company					0	0%	
4.1	Nguyễn Minh Trí									Bố đẻ
4.2	Trần Thị Hội									Mẹ đẻ (đã mất)
4.3	Hồ Quang An									Bố Vợ
4.4	Vũ Thị Hoa									Mẹ Vợ
4.5	Hồ Thu Hằng									Vợ
4.6	Nguyễn Hồ Quỳnh Anh									Con ruột
4.7	Nguyễn Hồ Đức									Con ruột



Handwritten signature/initials

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
4.8	Nguyễn Trần Tuệ									Anh ruột
4.9	Bùi Thị Thu Thủy									Chị dâu
4.10	Nguyễn Trung Linh									Em ruột
5	Nguyễn Công Chính	030C361080	Phó TGB/Deputy General Director of the Company					52	0.0000%	
5.1	Nguyễn Văn Ruệ									Bố đẻ
5.2	Phạm Thị Hoa									Mẹ đẻ (đã mất)
5.3	Tô Đình Khuê									Bố Vợ
5.4	Hoàng Thị Loan									Mẹ Vợ
5.5	Tô Thị Phương									Vợ
5.6	Nguyễn Phương Chính									Con ruột
5.7	Nguyễn Nam Khánh									Con ruột
5.8	Nguyễn Đức Thiện									Anh ruột
5.9	Trần Thị Hoài									Chị dâu
5.10	Nguyễn Thị Thanh Mừng									Em ruột
5.11	Phạm Quốc Trị									Em rể
III	Ban kiểm soát									
1	Lê Thị Thùy		Trưởng BKS/Head of Corporate Control Board					0	0%	
1.1	Lê Đức Tuấn									Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Lụa									Mẹ đẻ
1.3	An Đăng Tuyển									Bố chồng
1.4	Bùi Thị Nhân									Mẹ chồng
1.5	An Đăng Quyền									Chồng
1.6	Lê Anh Dũng									Anh ruột
1.7	Cao Thị Hoàng Lý									Chị dâu
1.8	An Đăng Quang									Con ruột

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
1.9	An Hoàng Quân									Con ruột
2	Trần Thị Thanh Huyền		Thành viên BKS/Member of the company's board of directors					0	0%	
2.1	Trần Văn Toàn									Bố đẻ
2.2	Nguyễn Thị Thanh									Mẹ đẻ
2.3	Lê Đình Điền									Bố chồng (đã mất)
2.4	Đình Thị Nén									Mẹ chồng (đã mất)
2.5	Lê Minh Thắng									Chồng
2.6	Lê Trần Ngọc Minh									Con ruột
2.7	Lê Huyền Linh									Con ruột
2.8	Lê Trần Liên Hoa									Con ruột
2.9	Trần Thanh Hương	003C126169								Em ruột
2.10	Phạm Đức Long	003C131416								Em rể
3	Nguyễn Thu Hiền		Thành viên BKS/Member of the company's board of directors					0	0%	
3.1	Nguyễn Đức Chiến									Bố đẻ
3.2	Nguyễn Thị Huân									Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Thị Thảo Linh									Em ruột
3.4	Nguyễn Đức Hùng									Em ruột

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNDKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NDKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNDKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NDKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNDKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
IV	Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Ban KTNB, Thư ký Công ty									
1	Nguyễn Hải Ninh		Giám đốc Tài chính, Người được ủy quyền CBTT/Chief Financial Officer, Authorized Disclosure Officer					0	0%	
1.1	Nguyễn Văn Nghiên									Bố đẻ (đã mất)
1.2	Phạm Thị Hiền									Mẹ đẻ
1.3	Trần Huy Thiện									Bố vợ
1.4	Phạm Thị Hòa									Mẹ Vợ
1.5	Nguyễn Hải Nam									Em trai
1.6	Đào Minh Hường									Em dâu
1.7	Trần Thị Thanh Hiền									Vợ
1.8	Trần Thị Quỳnh Anh									Em vợ
1.9	Nguyễn Trần Trung									Con trai
1.10	Nguyễn Trần Minh Quân									Con trai
2	Trần Việt Dũng	052C105020	Kế toán trưởng/Chief Accountant					3,912	0.003%	
2.1	Trần Văn Chính									Bố đẻ
2.2	Nghiêm Đức Hạnh									Mẹ đẻ
2.3	Trần Chu Thịnh									Bố vợ
2.4	Nguyễn Thị Minh									Mẹ vợ
2.5	Trần Hoài Thu									Vợ
2.6	Trần Nhật Nam									Con ruột

STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
2.7	Trần Minh Khôi									Con ruột
2.8	Trần Việt Phương									Em ruột
2.9	Lý Thái Hà									Em dâu
3	Nguyễn Minh Sơn	006C009446	Trưởng ban KTNB/Head of Internal Audit					0	0%	
3.1	Nguyễn Minh Biếc									Bố đẻ (đã mất)
3.2	Nguyễn Thị Lài									Mẹ đẻ (đã mất)
3.3	Nguyễn Văn Hùng									Bố vợ
3.4	Bùi Thị Lý									Mẹ Vợ
3.5	Nguyễn Ngọc Hải									Anh ruột
3.6	Nông Thị Mai									Chị dâu
3.7	Nguyễn Thị Hòa									Chị ruột
3.8	Trịnh Đức Vượng									Anh rể
3.9	Nguyễn Ngọc Thanh									Anh ruột (đã mất)
3.10	Trần Thị Ngoan									Chị dâu
3.11	Nguyễn Thanh Kỳ									Anh ruột
3.12	Nguyễn Thị Trang									Vợ
3.13	Nguyễn Minh Quỳnh Như									Con ruột
3.14	Nguyễn Quang Vinh									Con ruột
4	Nguyễn Đăng Vinh		Thư ký, Người PTQT Công ty/Secretary, Corporate Governance Officer					0	0%	
4.1	Nguyễn Đăng Quyền									Bố đẻ (đã mất)



STT/s tatus	Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty/Position at the Company	Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC /GCNĐKDN	Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN	Địa chỉ/Address	Số lượng sở hữu cuối kỳ/End of period ownership	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/End of period share ownership ratio	Ghi chú/Note
4.2	Lương Thị Thức									Mẹ đẻ
4.3	Phạm Minh Hải									Vợ
4.4	Nguyễn Đăng Anh									Con ruột
4.5	Nguyễn Đăng Thái Anh									Con ruột
4.6	Nguyễn Đăng Hành									Anh trai
4.7	Phạm Thị Vân									Chị dâu
4.8	Nguyễn Thị Chính									Chị gái
4.9	Phạm Đức Lịch									Anh rể
4.10	Nguyễn Thị Tính									Chị gái
4.11	Đỗ Văn Khách									Anh rể
4.12	Nguyễn Đăng Thông									Anh trai
4.13	Nguyễn Thị Hương									Chị dâu
4.14	Nguyễn Thị Thao									Chị gái
4.15	Bùi Bá Hóa									Anh rể
4.16	Nguyễn Thị Thọ									Chị gái
4.17	Trần Hữu Cường									Anh rể
4.18	Nguyễn Thị Mây									Chị gái
4.19	Nguyễn Văn Dương									Anh rể
4.20	Phạm Văn Tông									Bố vợ
4.21	Nguyễn Thị Phương Mai									Mẹ vợ (đã mất)

W2



CÔNG TY CỔ PHẦN SJ GROUP/SJ GROUP JOINT STOCK COMPANY

PHỤ LỤC VIII.2/APPENDIX VIII.2

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/TRADING IN SHARES BY INSIDERS AND RELATED PERSONS OF INSIDERS

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY/TRADING BY INSIDERS AND RELATED PERSONS IN THE COMPANY'S SHARES

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)

STT/ Status	Người thực hiện giao dịch/The person who makes the transaction	Quan hệ với người nội bộ/Insider Relations	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm/Reasons for increase and decrease
			Số cổ phiếu/Number of shares	Tỷ lệ/Proportion	Số cổ phiếu/Number of shares	Tỷ lệ/Proportion	
1	Đỗ Văn Bình	TV HĐQT/Board Member	8,970,000	7.81%	0	0%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
2	Nguyễn Phú Cường	TV HĐQT/Board Member	690,000	0.60%	0	0%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân

Ghi chú:

Tại thời điểm 30/6/2025 ông Đỗ Văn Bình và ông Nguyễn Phú Cường không còn là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty do hết nhiệm kỳ

W2